

Số: **547**/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày **31** tháng **5** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương làm cơ sở lập, thẩm định, phê duyệt dự toán giá của sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 305/TTr-SXD ngày 23/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ đơn giá dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Lai Châu, bao gồm 03 phần, mỗi phần 3 chương:

- Chương I: Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị;
- Chương II: Đơn giá duy trì hệ thống cây xanh đô thị;
- Chương III: Đơn giá duy trì trạm đèn, duy trì hệ thống thoát nước đô thị.

(Kèm theo thuyết minh và Bộ đơn giá cụ thể)

Điều 2. Bộ đơn giá ban hành kèm theo Quyết định này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng, vận dụng, tham khảo vào việc xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Giao Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai, phổ biến, hướng dẫn áp dụng và quản lý bộ đơn giá dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh; Khi giá đầu vào có biến động liên tục kéo dài làm Đơn giá này

tăng giảm từ 15% trở lên, hoặc chính sách nhà nước thay đổi thì Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh lại cho phù hợp.

Đối với hợp đồng đã được ký kết trước khi Quyết định này có hiệu lực thì không áp dụng theo nội dung của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2017. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh; } (báo cáo)
- Chủ tịch và P.Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng: Lãnh đạo, CV các khối, TT tin học và Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; (để đăng tải)
- Lưu: VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Giảng A Tỉnh

**THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG
ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ TỈNH LAI CHÂU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~517/QĐ~~- UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn giá dịch vụ công ích là chi phí xã hội cần thiết để hoàn thành toàn bộ một khối lượng sản phẩm dịch vụ theo quy trình kỹ thuật, bao gồm: chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, chi phí sử dụng xe máy và thiết bị; chi phí quản lý chung, lợi nhuận; định mức và thuế giá trị gia tăng (nếu có) trong giá dự toán thực hiện dịch vụ công ích từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc hoàn thành công việc.

I. NỘI DUNG ĐƠN GIÁ DỰ TOÁN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH:

1. Cơ sở xác định đơn giá:

Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức và lực lượng vũ trang;

Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/07/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05/01/2005 của Liên Bộ: Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính và Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Thông tư số 36/2012/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành bổ sung Danh mục nghề công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 8/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

Quyết định số 591/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng Công bố định mức xây dựng cơ bản phân duy trì hệ thống thoát nước đô thị;

Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng Công bố định mức xây dựng cơ bản phân thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị;

Quyết định số 593/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng công bố định mức xây dựng cơ bản phân Duy trì cây xanh đô thị;

Quyết định số 594/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng Công bố định mức xây dựng cơ bản phân Duy trì chiếu sáng đô thị;

2. Kết cấu đơn giá:

Đơn giá dịch vụ công ích bao gồm 03 phần, mỗi phần 03 chương, các nội dung công việc được đánh theo đúng mã hiệu của các tập Định mức chuyên ngành môi trường đô thị.

- Chương I: Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị;
- Chương II: Đơn giá dự toán duy trì cây xanh đô thị;
- Chương III: Đơn giá công tác duy trì trạm đèn, duy trì hệ thống thoát nước đô thị.

3. Thành phần chi phí trong đơn giá:

a) Chi phí vật liệu: Chi phí vật liệu trong đơn giá là chi phí vật tư, vật liệu cần thiết để thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ công ích đô thị, được xác định trên cơ sở mức hao phí vật liệu trong Định mức chuyên ngành của công tác dịch vụ công ích đô thị và giá vật liệu ở thời điểm tính đơn giá. Giá vật liệu với mức tính bình quân trong quý IV năm 2016 tại khu vực tỉnh Lai Châu, được áp dụng thống nhất chung cho các vùng, các loại công việc trong đơn giá, giá vật liệu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

b) Chi phí nhân công: Chi phí nhân công là toàn bộ chi phí tiền lương nhân công trực tiếp thực hiện các dịch vụ công ích đô thị từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc công việc được xác định trên cơ sở mức hao phí nhân công trong định mức dự toán chuyên ngành đô thị do Bộ Xây dựng ban hành và đơn giá tiền lương ngày công tính toán theo Thông tư số 26/2015/TT-



BLĐTBOXH ngày 14/07/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước, như bảng tính sau:

* Bảng lương dịch vụ công ích đô thị - Nhóm I (điều kiện lao động bình thường):

Lương cơ sở: 1.300.000 đồng/tháng

Số TT	Bậc thợ	Lương cơ bản		Khu vực phụ cấp 0,4			Khu vực phụ cấp 0,5			Khu vực phụ cấp 0,7		
		Hệ số	Lương CB	Phụ cấp KV 0,4	Hệ số đctt 0,4	Lương ngày	Phụ cấp KV 0,5	Hệ số đctt 0,4	Lương ngày	Phụ cấp KV 0,7	Hệ số đctt 0,4	Lương ngày
1	Nhân công: bậc 3/7	2,160	108.000	20.000	20.000	148.000	25.000	20.000	153.000	35.000	20.000	163.000
2	Nhân công: bậc 3,5/7	2,355	117.750	20.000	20.000	157.750	25.000	20.000	162.750	35.000	20.000	172.750
3	Nhân công: bậc 4/7	2,550	127.500	20.000	20.000	167.500	25.000	20.000	172.500	35.000	20.000	182.500
4	Nhân công: bậc 4,5/7	2,780	139.000	20.000	20.000	179.000	25.000	20.000	184.000	35.000	20.000	194.000

* Bảng lương dịch vụ công ích đô thị - Nhóm II (điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm):

Lương cơ sở: 1.300.000 đồng/tháng

Số TT	Bậc thợ	Lương cơ bản		Khu vực phụ cấp 0,4			Khu vực phụ cấp 0,5			Khu vực phụ cấp 0,7		
		Hệ số	Lương CB	Phụ cấp KV 0,4	P.cấp NN, ĐH 0,1; Hđctt 0,4	Lương ngày	Phụ cấp KV 0,5	P.cấp NN, ĐH 0,1; Hđctt 0,4	Lương ngày	Phụ cấp KV 0,7	P.cấp NN, ĐH 0,1; Hđctt 0,4	Lương ngày
1	Nhân công: bậc 3/7	2,310	115.500	20.000	25.000	160.500	25.000	25.000	165.500	35.000	25.000	175.500
2	Nhân công: bậc 3,5/7	2,510	125.500	20.000	25.000	170.500	25.000	25.000	175.500	35.000	25.000	185.500
3	Nhân công: bậc 4/7	2,710	135.500	20.000	25.000	180.500	25.000	25.000	185.500	35.000	25.000	195.500
4	Nhân công: bậc 4,5/7	2,950	147.500	20.000	25.000	192.500	25.000	25.000	197.500	35.000	25.000	207.500

* Bảng lương dịch vụ công ích đô thị - Nhóm III (điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm):

Lương cơ sở: 1.300.000 đồng/tháng

Số TT	Bậc thợ	Lương cơ bản		Khu vực phụ cấp 0,4			Khu vực phụ cấp 0,5			Khu vực phụ cấp 0,7		
		Hệ số	Lương CB	Phụ cấp KV 0,4	P.cấp NN, ĐH 0,2; Hđctt 0,4	Lương ngày	Phụ cấp KV 0,5	P.cấp NN, ĐH 0,2; Hđctt 0,4	Lương ngày	Phụ cấp KV 0,7	P.cấp NN, ĐH 0,2; Hđctt 0,4	Lương ngày
1	Nhân công: bậc 3/7	2,480	124.000	20.000	30.000	174.000	25.000	30.000	179.000	35.000	30.000	189.000
2	Nhân công: bậc 3,5/7	2,700	135.000	20.000	30.000	185.000	25.000	30.000	190.000	35.000	30.000	200.000
3	Nhân công: bậc 4/7	2,920	146.000	20.000	30.000	196.000	25.000	30.000	201.000	35.000	30.000	211.000
4	Nhân công: bậc 4,5/7	3,185	159.250	20.000	30.000	209.250	25.000	30.000	214.250	35.000	30.000	224.250

c) Chi phí máy thi công: Chi phí máy thi công là mức hao phí của từng loại xe máy thiết bị trực tiếp thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng dịch vụ công ích đô thị. Được xác định theo quy định tại Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định chi phí đầu tư xây dựng và Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 8/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.

d) Chi phí quản lý chung bao gồm các chi phí có tính chất chung chi cho bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp, các chi phí gián tiếp phục vụ cho công tác quản lý, chi phí phục vụ công nhân (bao gồm cả công cụ lao động), chi trả lãi vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản chi phí xã hội mà người sử dụng lao động phải nộp cho Nhà nước (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp...), các khoản phí, lệ phí, chi phí thuê tài sản, chi phí khấu hao, sửa chữa tài sản cố định phục vụ cho bộ máy quản lý điều hành doanh nghiệp, thuê mặt bằng nhà xưởng (nếu có), chi phí thuê kiểm toán và các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị được xác định bằng tỷ lệ 45% so với chi phí nhân công trực tiếp, trường hợp chi phí chung được tính bằng 3,5% chi phí sử dụng xe máy và thiết bị nếu khối lượng công tác dịch vụ công ích đô thị có chi phí sử dụng máy và thiết bị > 60% chi phí trực tiếp.

e) Lợi nhuận định mức được tính với tỷ lệ 4% trên chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công ích đô thị.

f) Thuế giá trị gia tăng: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ thu, nộp và khấu trừ thuế giá trị gia tăng (nếu có).

II. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG:

Việc điều chỉnh Giá dự toán dịch vụ công ích khi có sự thay đổi về giá cả vật tư, vật liệu, tiền lương, máy thi công và các chế độ chính sách khác có liên quan do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Trường hợp những loại công tác mà yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực hiện công việc khác, chưa quy định trong tập đơn giá này thì các đơn vị căn cứ vào phương pháp xây dựng định mức dự toán do Bộ Xây dựng hướng dẫn để xây dựng định mức, đơn giá phù hợp gửi Sở Xây dựng tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc áp dụng.

ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ TỈNH LAI CHÂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **547/QĐ-UBND** ngày 31/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

PHẦN I- ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH VÙNG CÓ PHỤ CẤP KHU VỰC 0,5 Chương I - ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN ĐÔ THỊ

MT1.01.00 Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công.

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Cảnh giới đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Di chuyển công cụ thu rác dọc tuyến đường, nhặt hết các loại rác, các loại phế thải trên hè phố, xúc hết rác trên đường phố trong phạm vi đường được phân công trong ca làm việc.
- + Di chuyển công cụ thu gom rác đến điểm tập kết rác và chuyển sang xe chuyên dùng.
- + Dọn sạch rác tại các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Vệ sinh tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.01.01	Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công	1km	0	178.080	0	80.136	10.329	268.545

MT1.02.00 Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển công cụ thu chứa đến nơi làm việc.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Quét rác trên đường phố, vỉa hè, gom thành từng đống nhỏ.
- + Quét nước ứ đọng trên đường (nếu có).



- + Thu gom rác đóng trên đường phố, vỉa hè.
- + Hót xúc rác, cát bụi vào công cụ thu chứa.
- + Di chuyển công cụ thu chứa về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dụng.
- + Dọn sạch các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.02.01	Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công	10.000m ²	0	371.000	0	166.950	21.518	559.468

MT1.03.00 Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển dụng cụ thu chứa đến nơi làm việc.
- + Đặt biển báo cảnh giới an toàn giao thông.
- + Dùng chổi quét sạch đường sát dải phân cách có chiều rộng là 1,5m.
- + Vun gọn thành đống, xúc lên xe gom. Đối với dải phân cách mềm: Luồn chổi qua kẽ các thanh chắn quét sạch cả phần đường đặt dải phân cách.
- + Đẩy công cụ thu rác về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dùng.
- + Dọn sạch các điểm tập kết sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.03.01	Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công	1km	0	118.720	0	53.424	6.886	179.030

MT1.04.00 Công tác tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở góc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.

- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Dùng xẻng, chổi tủa sạch thành vỉa và vỉa. Dùng chổi gom rác ở miệng hầm ếch và dùng xẻng gom, xúc rác ở miệng hầm ếch.
- + Dọn sạch rác, phế thải ở gốc cây, cột điện (khối lượng phế thải < 0,5m³) (nếu có); bấm nhổ cỏ xung quanh (nếu có); phát cây 2 bên vỉa hè (nếu có), xúc rác lên phương tiện chứa.
- + Di chuyển công cụ thu rác về điểm tập kết để chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Tuyên truyền, vận động Nhân dân giữ gìn vệ sinh.
- + Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.04.01	Công tác tủa vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hầm ếch	1km	0	118.720	0	53.424	6.886	179.030

MT1.05.00 Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển công cụ thu chứa rác, gõ kèng và thu rác nhà dân.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Thu nhặt các túi rác hai bên ngõ, đứng đợi người dân bỏ túi rác lên xe gom.
- + Dùng chổi, xẻng xúc dọn các mô rác dọc ngõ xóm (nếu có) lên công cụ thu chứa và di chuyển về vị trí tập kết quy định.
- + Đối với những ngõ rộng, có vỉa hè, rãnh thoát nước, dùng chổi, xẻng tủa vỉa, rãnh và xúc lên xe gom; Dùng chổi quét, gom rác trên hè, trên ngõ.
- + Di chuyển công cụ thu rác về điểm tập kết để chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Tuyên truyền, vận động Nhân dân giữ gìn vệ sinh.
- + Vệ sinh tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.05.01	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công	1km	0	192.920	0	86.814	11.189	290.923

MT1.06.00 Công tác xúc rác sinh hoạt tại điểm tập kết rác tập trung lên xe ô tô bằng thủ công

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Cào rác từ bể chứa rác hoặc đồng rác, xúc lên công cụ thu chứa di chuyển ra điểm tập kết rác lên ô tô, quét dọn xung quanh bể rác và đồng rác, phủ bạt kín trước khi xe chạy.
- + Cuối ca vệ sinh dụng cụ, phương tiện xúc rác, cất vào nơi qui định.
- + Vệ sinh dụng cụ, công cụ về nơi qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.06.01	Công tác xúc rác sinh hoạt tại điểm tập kết rác tập trung lên xe ô tô bằng thủ công	1 tấn	0	129.850	0	58.433	7.531	195.814

MT1.07.00 Công tác xúc dọn phế thải xây dựng bằng thủ công

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Cào, cuốc làm tơi phế thải xây dựng và tiến hành xúc phế thải xây dựng lên xe ô tô, san gạt đất đều trên thùng xe, phủ bạt kín trước khi xe chạy.
- + Vệ sinh sạch sẽ tại vị trí đã được thu dọn phế thải.
- + Cuối ca vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.07.01	Công tác xúc dọn phế thải xây dựng bằng thủ công	1 tấn	0	83.475	0	37.564	4.842	125.880

MT2.01.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Nạp rác từ công cụ thu chứa rác vào máng hứng, ép vào xe.
- + Vận hành hệ thống chuyên dùng ép rác.
- + Thu gom, quét dọn rác rơi vãi và xúc lên xe.
- + Điều khiển xe đến địa điểm tập kết rác kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe.
- + Điều khiển xe về đến bãi đổ rác.
- + Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đồ vào ô chôn lấp, vận hành hệ thống chuyên dùng để đổ rác theo đúng qui định trong bãi.
- + Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- + Di chuyển xe về bãi tập kết.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng công
MT2.01.21	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết rác lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly từ 15km < L <= 20km, xe <= 5 tấn	1 tấn	0	31.164	119.794	4.193	6.206	161.357
MT2.01.22	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết rác lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly 15km < L <= 20km, 5 tấn < xe < 10 tấn	1 tấn	0	24.301	107.680	3.769	5.430	141.179

MT2.01.23	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết rác lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly $15\text{km} < L \leq 20$, xe \Rightarrow 10 tấn	1 tấn	0	17.252	91.260	3.194	4.468	116.173
-----------	---	-------	---	--------	--------	-------	-------	---------

Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều

Ghi chú: chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1,00
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,30
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66

MT2.02.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác vận chuyển đến địa điểm đổ rác

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Kéo thùng trên vỉa hè hoặc từ điểm tập kết thùng tại cơ sở y tế, nạp rác từ thùng vào máng hứng, ép vào xe.
- + Vận hành hệ thống chuyên dùng ép rác.
- + Thu gom, quét dọn rác rơi vãi và xúc lên xe.

- + Điều khiển xe đến địa điểm tập kết rác kể tiếp. tác nghiệp đến lúc rác đầy xe.
- + Điều khiển xe về đến bãi đổ rác.
- Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đò vào ô chôn lấp, vận hành hệ thống chuyên dùng để đổ rác theo đúng qui định trong bãi.
- + Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- + Di chuyển xe về bãi tập kết.
- + Hối ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Đơn vị tính đồng		
						Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.02.21	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân $15 < L \leq 20$ km, xe ≤ 5 tấn	1 tấn	8.360	51.569	249.285	8.725	12.718	330.657
MT2.02.22	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân $15 < L \leq 20$ km, 5 tấn $<$ xe < 10 tấn	1 tấn	8.360	36.729	215.855	7.555	10.740	279.239
MT2.02.23	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân $15 < L \leq 20$ km, xe ≥ 10 tấn	1 tấn	8.360	34.874	191.919	6.717	9.675	251.545

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1,00
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22

30 < L ≤ 35	1,30
35 < L ≤ 40	1,38
40 < L ≤ 45	1,45
45 < L ≤ 50	1,51
50 < L ≤ 55	1,57
55 < L ≤ 60	1,62
60 < L ≤ 65	1,66

MT2.03.00 Công tác vận chuyển rác sinh hoạt bằng xe ép rác kín (hooklip)

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Khi rác được xúc đầy lên xe, vun gọn rác trên xe, phủ bạt kín trước khi chạy.
- + Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- + Điều khiển xe về bãi đổ rác.
- + Cho xe vào cân xác định lỏng trọng tải xe, điều khiển xe lên đồ vào ô chôn lấp, vận hành đồ rác theo đúng qui định trong bãi.
- + Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- + Di chuyển xe về bãi tập kết.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính: đồng

Mã biểu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.03.12	Công tác vận chuyển rác sinh hoạt bằng xe ép rác kín (hooklip) với cự ly thu gom và vận chuyển 15 < L ≤ 20km, xe < 10 tấn	1 tấn	0	10.388	118.020	4.131	5.302	137.841

MT2.03.22	Công tác vận chuyển rác sinh hoạt bằng xe ép rác kín (hooklip) với cự ly thu gom và vận chuyển $15 < L \leq 20$ km, xe > 10 tấn	1 tấn	0	7.420	84 300	2.951	3.787	98.458
-----------	---	-------	---	-------	--------	-------	-------	--------

Ghi chú Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1,00
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,30
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66

MT2.04.00 Công tác vệ sinh thùng thu gom rác sinh hoạt

I. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến địa điểm đặt thùng.
- + Xếp thùng ngay ngắn, đúng vị trí đặt thùng.
- Dùng giẻ lau, bàn chải cước, xả phòng cọ rửa thùng.
- Lau khô bên ngoài thùng, xịt thuốc khử mùi bên trong thùng.
- Tiếp tục công việc cho đến hết ca làm việc.

+ Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.04.11	Công tác vệ sinh thùng thu gom rác sinh hoạt	100 thùng	0	333.450	0	150.053	19.340	502.843

MT2.06.00 Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu gom phế thải xây dựng.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Xúc phế thải xây dựng lên thùng xe.
- + Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- + Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc đầy xe.
- + San, cào phế thải xây dựng, phủ bạt, buộc dây
- + Điều khiển xe về bãi đổ.
- + Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đồ vào ô chôn lấp, vận hành đổ rác theo đúng qui định trong bãi.
- + Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- + Di chuyển xe về bãi tập kết.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.06.11	Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ với cự ly bình quân <=10km, xe 2 tấn	1 tấn	0	110.558	87.723	49.751	9.921	257.954

MT2.06.21	Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ với cự ly hình quân ≤ 10 km, xe 4 tấn	1 tấn	0	110.558	128.666	49.751	11.479	298.454
-----------	--	-------	---	---------	---------	--------	--------	---------

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 10$	1.00
$10 < L \leq 15$	1.18
$15 < L \leq 20$	1.40
$20 < L \leq 25$	1.60

MT2.07.00 Công tác xúc rác sinh hoạt tại các điểm tập kết rác tập trung bằng cơ giới

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến địa điểm xúc rác.
- + Lái xe xúc điều khiển, vun gọn lượng rác vào điểm tập trung.
- + Xúc rác lên xe tải ben cho đến lúc đầy xe.
- + Điều khiển gầu xúc vun gọn rác trên xe tải ben.
- + Tiếp tục xúc rác cho các xe tải ben tiếp theo cho đến hết ca làm việc.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

2. Đơn giá:

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Đơn vị tính đồng		
						Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.07.11	Công tác xúc rác sinh hoạt tại các điểm tập kết rác tập trung bằng cơ giới	1 tấn	0	1.651	13.000	455	604	15.710

MT2.08.00 Công tác xúc phế thải xây dựng tại các điểm tập kết tập trung bằng cơ giới

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu gom phế thải xây dựng.

- + Lái xe xúc điều khiển, vun gọn phế thải xây dựng.
- + Xúc phế thải xây dựng lên xe tải ben cho đến lúc đầy xe.
- + Điều khiển gầu xúc vun gọn rác trên xe tải ben.
- + Tiếp tục xúc rác các xe tải ben tiếp theo cho đến hết ca làm việc.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.08.11	Công tác xúc phế thải xây dựng tại các điểm tập kết tập trung bằng cơ giới	l tấn	0	1.317	10.371	363	482	12.533

MT2.09.00 Công tác vận chuyên phế thải xây dựng bằng xe tải

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm lấy phế thải xây dựng.
- Khi phế thải được xúc đẩy lên xe, vun gọn phế thải trên xe, phủ bạt kín trước khi chạy.
- + Thu gom, quét dọn phế thải rơi vãi lên xe.
- + Điều khiển xe về bãi đổ rác.
- Cho xe vào căn xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đồ vào ô chôn lấp, vận hành đổ rác theo đúng qui định trong bãi.
- Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua căn để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyên).
- Di chuyển xe về bãi tập kết.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.09.12	Công tác vận chuyên phế thải xây dựng bằng xe tải với cự ly vận chuyên bình quân 15km < L ≤ 20km, xe < 10 tấn	l tấn	0	9.646	69.408	2.429	3.259	84.742

MT2.09.22	Công tác vận chuyển phế thải xây dựng bằng xe tải với cự ly vận chuyển bình quân $15\text{km} < L \leq 20\text{km}$, xe \Rightarrow 10 tấn	1 tấn	0	6.307	55.423	1.940	2.547	66.216
-----------	---	-------	---	-------	--------	-------	-------	--------

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1,00
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,30
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
Cự ly L (km)	Hệ số
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66

MT3.01.00 Công tác vận hành bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, công suất bãi ≤ 500 tấn/ngày

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Tiếp nhận rác, hướng dẫn xe qua cân điện tử, ghi chép số liệu và hướng dẫn chỗ đỗ cho các xe tập kết.
- + Đò, cào rác từ trên xe xuống, đảm bảo khi xe khởi khu vực đỗ không còn rác trên xe.
- + Hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, xa lầy.
- + San ủi các đồng rác thành bãi phẳng, đầm nén để ô tô có thể liên tiếp vào đò rác.
- + Phun xịt chế phẩm vi sinh (EM), rải Bokashi để khử mùi hôi, xịt nước chống bụi.
- + Sau một lớp rác vừa san ủi lại phủ một lớp đất, tiến hành đầm nén trước khi đò lớp rác khác lên.
- + Rác vôi bột, hóa chất để diệt trừ ruồi, muỗi.
- + San ủi rác đến khi hết ca làm việc.

- + Quét đường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác.
- + Quét dọn đảm bảo vệ sinh khu vực bãi, khu vực cân điện tử, trạm rửa xe.
- + Duy trì cây xanh khu vực bãi.
- + Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn. Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

Yêu cầu kỹ thuật:

1. Độ dày lớp rác sau khi đầm nén để phủ đất là 2m.
2. Độ dày lớp đất phủ là 0,15m đến 0,2m

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT3.01.11	Công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải sinh hoạt, công suất bãi <= 500 tấn/ngày	1 tấn	32.261	12.060	9.728	5.427	2.379	61.855

MT3.02.00 Công tác vận hành bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, công suất bãi từ 500 tấn/ngày đến 1.500 tấn/ngày

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động.
- + Ghi chép khối lượng và hướng dẫn chỗ đỗ cho các xe tập kết.
- + Cào rác từ trên xe xuống, đảm bảo khi xe khỏi khu vực đỗ không còn rác. Kiểm tra cảm quang các loại rác không được phép chôn lấp.
- + Hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, xa lầy.
- + San ủi các đồng rác thành bãi phẳng, đầm nén để ô tô có thể liên tiếp vào đỗ rác.
- + Sau một lớp rác vừa san ủi lại phủ một lớp đất, tiến hành đầm nén trước khi đổ lớp rác khác lên.
- + Rắc vôi bột, hóa chất để diệt trừ ruồi, muỗi.
- + Phun xịt chế phẩm vi sinh (EM), rai Bokashi để khử mùi hôi, xịt nước chống bụi.
- + San ủi rác đến khi hết ca làm việc.
- + Quét đường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác.
- + Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn.



+ Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

Yêu cầu kỹ thuật:

1. Có hệ thống xử lý nước rác theo phương pháp sinh học.
2. Độ dày lớp rác sau khi đầm nén để phủ đất là 2m.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT3.02.11	Công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải sinh hoạt, công suất bãi trên 500 tấn/ngày đến 1.500 tấn/ngày	l tấn	33.550	9.447	7.931	4.251	2.207	57.386

MT3.04.00 Công tác xử lý phế thải xây dựng tại bãi chôn lấp với công suất bãi < 500 tấn/ngày.

1. Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Ghi chép khối lượng và hướng dẫn chỗ đổ cho các xe tập kết.
- + Hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, xa lầy.
- + Xe ủi rác thải xây dựng thành đồng để ô tô có thể liên tiếp vào đổ rác thải xây dựng.
- + Phun xịt nước chống bụi hàng ngày
- + San ủi rác thải xây dựng đến khi hết ca làm việc
- Quét đường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác.
- + Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT3.04.11	Công tác xử lý phế thải xây dựng tại bãi chôn lấp, công suất bãi < 500 tấn/ngày	l tấn	0	6.951	7.503	3.128	703	18.285



MT5.01.00 Công tác quét đường phố bằng cơ giới

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Xe ô tô quét hút theo đúng lịch trình quy định, tới điểm quét đỗ cách mép vỉa 0,2m - 0,3m, bật đèn công tác, kiểm tra các thông số trước khi cho xe vận hành.
- + Đảm bảo tốc độ xe khi quét hút đạt từ 4km/h - 5km/h.
- + Khi rác đầy thì tiến hành đổ phế thải đúng nơi qui định.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT5.01.01	Công tác quét đường phố bằng cơ giới loại xe 5m ³ , đô thị loại III - V	1km	1.640	0	51.518	1.803	2.198	57.159

MT5.02.00 Công tác tưới nước rửa đường

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Xe lấy nước vào đúng vị trí qui định, các van phải được khóa, vòi phun phải được thông và để ở vị trí cao.
- + Để miệng téc đúng họng nước, khi téc đầy khoá van họng nước, đẩy nắp téc, khoá chặt.
- + Xe ô tô đến điểm rửa đi với tốc độ 6km/giờ, bép chếch 5o, áp lực phun nước 5kg/cm²
- + Tiến hành phun tưới nước rửa đường theo đúng lộ trình qui định.
- + Sau khi xả hết téc nước xe về điểm lấy nước và lập lại thao tác như trên.
- + Sau khi hoàn thành công việc xoay bép lên phía trên để tránh vỡ khi gặp ổ gà.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT5.02.01	Công tác tưới nước rửa đường phố bằng xe < 10m ³	1 km	49.000	0	254.962	8.924	12.515	325.401

MT5.02.02	Công tác tưới nước rửa đường phố bằng xe ô tô 16m ³	1 km	49.000	0	246.495	8.627	12.165	316.287
-----------	--	------	--------	---	---------	-------	--------	---------

MT5.03.00 Công tác vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường.

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ.
- + Kiểm tra cầu dao, hệ thống đường ống, téc chứa nước, đồng hồ đo lưu lượng nước, máy bơm bảo đảm trạng thái hoạt động tốt.
- + Đóng cầu dao điện bơm nước lên téc.
- + Đóng mở van xả nước khi xe đến lấy nước.
- + Định kì bảo dưỡng động cơ máy bơm, téc chứa nước, họng hút, đồng hồ đo lưu lượng nước.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

							<i>Đơn vị tính : đồng</i>		
Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng	
MT5.03.01	Công tác vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường	100m ³ nước	0	78.975	42.963	35.539	6.299	163.776	

Chương II - ĐƠN GIÁ DUY TRÌ CÂY XANH ĐÔ THỊ

CX1.01.00 Tưới nước thảm cỏ thuần chủng và không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách...)

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
 - + Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều ướt đầm thảm cỏ, tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới những khu vực xa nguồn nước.
 - + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
 - + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.
- * Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì thảm cỏ được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5 lít/m² (cỏ thuần chủng), 6 lít/m² (cỏ không thuần chủng); Số lần tưới 140 lần/năm.



2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.01.11	Tưới nước giếng khoan thăm cò thuận chùng bằng máy bơm nước chạy bằng xăng 3CV	100m2/lần	3.500	11.067	15.605	4.980	1.406	36.558
CX1.01.12	Tưới nước giếng khoan thăm cò thuận chùng bằng máy bơm nước, máy bơm điện 1,5 KW	100m2/lần	3.500	14.648	15.947	6.591	1.627	42.313
CX1.01.21	Tưới nước thăm cò thuận chùng bằng thủ công	100m2/lần	3.500	19.530	0	8.789	1.273	33.091
CX1.01.31	Tưới nước thăm cò thuận chùng bằng xe bốn 6m3	100m2/lần	3.500	16.112	31.292	1.095	2.080	54.080
CX1.01.32	Tưới nước thăm cò thuận chùng bằng xe bốn 9m3	100m2/lần	3.500	16.112	24.094	7.251	2.038	52.995
CX1.01.51	Tưới nước thăm cò không thuận chùng (đãi phân cách, tiểu đảo) bằng thủ công	100m2/lần	4.200	24.901	0	11.205	1.612	41.918
CX1.01.81	Tưới nước thăm cò không thuận chùng (đãi phân cách, tiểu đảo...) bằng xe bốn 6m3	100m2/lần	4.200	14.648	34.137	1.195	2.167	56.347
CX1.01.82	Tưới nước thăm cò không thuận chùng (đãi phân cách, tiểu đảo...) bằng xe bốn 9m3	100m2/lần	4.200	14.648	19.913	6.591	1.814	47.166

CX1.02.00 Phát thăm cò thuận chùng và thăm cò không thuận chùng (tiểu đảo, đãi phân cách...)

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Phát thăm cò thường xuyên, duy trì thăm cò luôn bằng phẳng và đảm bảo chiều cao cò bằng 5cm, tùy theo địa hình và điều kiện chăm sóc từng vị trí mà dùng máy cắt cò, phân hoặc dùng liềm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.02.11	Phát thăm cò thuận chùng bằng máy cắt cò 3CV	100m2/lần	0	26.898	12.166	12.104	2.047	53.215



CX1.02.12	Phát thăm cỏ không thuận chủng bằng máy cắt cỏ 3CV	100m2/lần	0	20.034	9.079	9.015	1.525	39.654
CX1.02.21	Phát thăm cỏ thuận chủng bằng thủ công	100m2/lần	0	77.625	0	34.931	4.502	117.059
CX1.02.22	Phát thăm cỏ không thuận chủng bằng thủ công	100m2/lần	0	62.100	0	27.945	3.602	93.647

CX1.03.00 Xén lẻ cỏ

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Xén thẳng lẻ cỏ theo chu vi, cách bờ via 10cm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

2. Đơn giá:

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Đơn vị tính đồng		
						Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.03.11	Xén lẻ cỏ lá tre	100m2/lần	0	51.750	0	23.288	3.002	78.039
CX1.03.12	Xén lẻ cỏ nhung	100m2/lần	0	77.625	0	34.931	4.502	117.059

CX1.04.00 Làm cỏ tạp

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Nhổ sạch cỏ khác lẫn trong cỏ thuận chủng, đảm bảo thảm cỏ được duy trì cỏ lẫn không quá 5% cỏ dại.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.

+ Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.04.11	Làm cỏ tạp	100m ² /lần	0	51.750	0	23.288	3.002	78.039

CX1.05.00 Trồng dặm cỏ

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Thay thế các chỗ cỏ chết hoặc bị dẫm nát, cỏ trồng dặm cùng giống với cỏ hiện hữu.
- + Đảm bảo sau khi trồng dặm thảm cỏ được phủ kín không bị mất khoảng.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.05.11	Trồng dặm cỏ lá tre	1m ² /lần	26.243	23.633	0	10.635	2.420	62.931
CX1.05.12	Trồng dặm cỏ lá nhung	1m ² /lần	39.525	13.283	0	5.977	2.351	61.136

CX1.06.00 Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Phun thuốc trừ sâu cỏ.

+ Mỗi năm phòng trừ 2 đợt, mỗi đợt phun 3 lần, mỗi lần cách nhau 5 đến 7 ngày.

+ Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.06.11	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	100m2/lần	705	13.171	0	5.927	792	20.594

CX1.07.00 Bón phân thâm cò

1. Thành phần công việc:

+ Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

+ Rải đều phân trên toàn bộ diện tích thâm cò.

+ Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.07.11	Bón phân thâm cò	100m2/lần	13.500	16.695	0	7.513	1.508	39.216

CX2.01.00 Duy trì bồn hoa

1. Thành phần công việc:

+ Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

+ Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới khu vực xa nguồn nước.

+ Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.

+ Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

* Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn hoa được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5lít/m²; Số lần tưới 180 lần/năm.

* Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn cảnh, hàng rào được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5lít/m²; Số lần tưới 140 lần/năm.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%; 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.01.21	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	100m ² /lần	3.500	23.599	0	10.619	1.509	39.227
CX2.01.31	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồn 6m ³	100m ² /lần	3.500	16.275	31.609	1.106	2.100	54.589
CX2.01.32	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồn 9m ³	100m ² /lần	3.500	16.275	24.221	7.324	2.053	53.373

CX2.02.00 Công tác thay hoa bồn hoa

1. Thành phần công việc:

+ Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

+ Nhổ sạch hoa tàn, dùng cuốc xẻng xới tơi đất, san bằng mặt bồn theo đúng quy trình.

+ Trồng hoa theo chủng loại được chọn, dùng vòi sen nhỏ tưới nhẹ sau khi trồng.

+ Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.

+ Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:*Đơn vị tính : đồng*

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.02.11	Công tác thay hoa bồn hoa giống	100m2/lần	14.000.000	517.500	0	232.875	590.015	15.340.390
CX2.02.12	Công tác thay hoa bồn hoa giỏ	100m2/lần	12.800.000	465.750	0	209.588	539.014	14.014.351

CX2.03.00 Phun thuốc trừ sâu bồn hoa**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Pha thuốc, phun thuốc theo quy định.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:*Đơn vị tính : đồng*

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.03.11	Phun thuốc trừ sâu bồn hoa	100m2/lần	705	30.979	0	13.940	1.825	47.449

CX2.04.00 Bón phân và xử lý đất bồn hoa**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Trộn phân với thuốc xử lý đất theo đúng tỷ lệ.
- + Bón đều phân vào gốc cây.
- + Don dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.



2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.04.11	Bón phân và xử lý đất bồn hoa	100m ² /lần	47.500	55.836	0	25.126	5.138	133.600

CX2.05.00 Duy trì bồn cảnh lá mẫu**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- + Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn.
- + Bón phân vi sinh.
- + Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.05.11	Duy trì bồn cảnh lá mẫu, có hàng rào	100m ² /năm	8.440.600	3.288.915	0	1.480.012	448.381	11.657.908
CX2.05.12	Duy trì bồn cảnh lá mẫu, không hàng rào	100m ² /năm	9.656.820	4.138.505	0	1.862.327	626.306	16.283.958

CX2.06.00 Duy trì cây hàng rào, đường viền**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Cắt sửa hàng rào vuông thành sắc cạnh, đảm bảo độ cao quy định, làm cỏ vun gốc.
- + Bón phân vi sinh.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

+ Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.06.11	Duy trì cây hàng rào, đường viên cao < 1m	100m ² /năm m	30.150	2.095.875	0	943.144	122.767	3.191.936
CX2.06.12	Duy trì cây hàng rào, đường viên cao => 1m	100m ² /năm m	30.150	3.329.250	0	1.498.163	194.303	5.051.865

CX2.07.00 Trồng dặm cây hàng rào, đường viên.

1. Thành phần công việc:

+ Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

+ Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.

+ Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn, bón phân hữu cơ.

+ Don dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

+ Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.07.11	Trồng dặm cây hàng rào, đường viên	m ²	17.250	5.859	0	2.637	1.030	26.775

CX2.08.00 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình.

1. Thành phần công việc:

+ Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

+ Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe bồn tới những khu vực xa nguồn nước.



+ Don dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

+ Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

* Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5lít/m²; Số lần tưới 150 lần/năm.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%;	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.08.21	Tưới nước cây ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	100cây/lần	3.500	21.971	0	9.887	1.414	36.773
CX2.08.31	Tưới nước cây ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng xe bồn 6m ³	100cây/lần	3.500	16.112	31.292	1.095	2.080	54.080
CX2.08.32	Tưới nước cây ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng xe bồn 9m ³	100cây/lần	3.500	143.220	21.799	64.449	9.319	242.287

CX2.09.00 Duy trì cây cảnh trở hoa

1. Thành phần công việc:

+ Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

+ Cắt sửa tán gọn gàng, cân đối.

+ Bón phân vi sinh.

+ Phun thuốc trừ sâu cho cây.

+ Don dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

+ Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.09.11	Duy trì cây cảnh trở hoa	100cây/năm	200.680	8.597.925	0	3.889.066	506.707	13.174.378

Ghi chú: Đối với công tác duy trì cây cảnh tạo hình có trở hoa, định mức nhân công được nhân với hệ số K = 1,1.

CX2.10.00 Trồng dặm cây cảnh trở hoa

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Nhổ bỏ cây cảnh xấu, hỏng, xới đất, trồng dặm cây cảnh.
- + Don dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.10.11	Trồng dặm cây cảnh trở hoa	100cây	1.500.000	2.197.125	0	988.706	187.433	4.873.265

CX2.11.00 Duy trì cây cảnh tạo hình

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Cắt tỉa cây theo hình quy định.
- + Bón phân vi sinh.
- + Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- + Don dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.11.11	Duy trì cây cảnh tạo hình	100cây/năm	195.510	7.145.460	0	3.215.457	422.257	10.978.684



CX2.12.00 Tưới nước cây cảnh trồng chậu.

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe bồn tới những khu vực xa nguồn nước.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

* Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì cây cảnh trồng chậu được quy định như sau: Lượng nước tưới: 3 lít/cây; Số lần tưới 90 lần/năm.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%;	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.12.21	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	100chậu/lần	2.100	16.112	0	7.251	1.019	26.481
CX2.12.31	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng xe bồn 6m ³	100chậu/lần	2.100	10.253	20.862	730	1.358	35.303
CX2.12.32	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng xe bồn 9m ³	100chậu/lần	2.100	11.718	17.210	5.273	1.452	37.753

CX2.13.00 Thay đất, phân chậu cảnh.

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Xúc bỏ đất cũ, thay đất mới đã được trộn đều với phân và thuốc xử lý đất.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.13.11	Thay đất, phân chậu cảnh	100chậu/lần	1.470.000	1.669.500	0	751.275	155.631	4.046.406

CX2.14.00 Duy trì cây cảnh trồng chậu

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Cắt tai cành hoặc chỗi mọc không thích hợp thực hiện 6lần/năm.
- + Bón phân vi sinh 2 lần/năm; phun thuốc trừ sâu 3 đợt, mỗi đợt 2 lần.
- + Nhổ cỏ dại, xới tơi đất thực hiện 4 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng công
CX2.14.11	Duy trì cây cảnh trồng chậu	100chậu/năm	132.510	5.342.400	0	2.404.080	315.160	8.194.150
CX2.15.11	Trồng dặm cây cảnh trồng chậu	100chậu	1.522.500	1.464.750	0	659.138	145.856	3.792.243
CX2.16.11	Thay chậu hồng, vớ	100chậu/lần	15.000.000	1.380.000	0	621.000	680.040	17.681.040

CX3.01.00 Duy trì cây bóng mát mới trồng

Phân loại cây bóng mát:

- + Cây bóng mát mới trồng: Cây sau khi trồng được 90 ngày đến 2 năm.
- *Cây bóng mát trồng sau 2 năm:*
- + Cây bóng mát loại 1: Cây cao $\leq 6m$ và có đường kính gốc cây ≤ 20 cm
- + Cây bóng mát loại 2: Cây cao $\leq 12m$ và có đường kính gốc ≤ 50 cm.
- + Cây bóng mát loại 3: Cây cao $> 12m$ hoặc có đường kính gốc > 50 cm.

1. Thành phần công việc:

- + Tưới nước ướt đảm gốc cây.



- + Bón phân hữu cơ gốc cây thực hiện trung bình 1 lần/năm.
- + Sửa tán, tạo hình và tẩy chồi: dùng kéo (hoặc cưa) cắt tỉa những cành hoặc chồi mọc không thích hợp với kiểu dáng cần tạo thực hiện trung bình 4 lần/năm.
- + Chống, sửa cây nghiêng: thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- + Vệ sinh quanh gốc cây: Nhổ cỏ dại quanh gốc cây, dọn dẹp rác quanh gốc cây thu gom vận chuyển đến chỗ nơi quy định, thực hiện 4 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công, chùi rửa cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.01.11	Duy trì cây bóng mát mới trồng	cây/năm	93.624	180.090	113.791	81.041	18.742	487.287

CX3.02.00 Duy trì thảm cỏ gốc bóng mát (Diện tích thảm cỏ bình quân 3m²/bồn)

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Tưới nước bằng xe bồn;
- + Phát và xén thảm cỏ và dọn dẹp vệ sinh thực hiện trung bình 8 lần/năm.
- + Làm cỏ tạp thực hiện trung bình 12 lần/năm; Dọn vệ sinh rác trên thảm cỏ.
- + Trồng dặm cỏ 30%; Bón phân hữu cơ thảm cỏ thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- + Phòng trừ sâu cỏ thực hiện trung bình 6 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công, chùi rửa cất dụng cụ tại nơi quy định.
- * Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn cỏ chậu được quy định như sau: Lượng nước tưới: 15 lít/m²; Số lần tưới 140 lần/năm.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.02.11	Duy trì thảm cỏ gốc cây bóng mát	bồn/năm	67.101	677.075	343.704	304.684	55.703	1.448.266

CX3.03.00 Duy trì cây bóng mát loại I

1. Thành phần công việc:

- + Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.

- + Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông, an toàn lao động.
- + Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- + Tẩy chồi thực hiện trung bình 4 lần/năm.
- + Chống sừa cây nghiêng thực hiện 1 lần/năm; Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công; chùi rửa cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45 %	Lợi nhuận ĐM 4 %	Tổng cộng
CX3.03.11	Duy trì cây bóng mát loại 1	cây/năm	6.675	75.128	0	33.807	4.624	120.234

CX3.04.00 Duy trì cây bóng mát loại 2

1. Thành phần công việc:

- + Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sừa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- + Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông, an toàn lao động.
- + Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- + Tẩy chồi thực hiện trung bình 3 lần/năm.
- + Chống sừa cây nghiêng thực hiện 1 lần/năm; Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công; chùi rửa cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45 %	Lợi nhuận ĐM 4 %	Tổng cộng
CX3.04.11	Duy trì cây bóng mát loại 2	cây/năm	1.365	473.025	112.985	212.861	32.009	832.246

CX3.05.00 Duy trì cây bóng mát loại 3

1. Thành phần công việc:

- + Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- + Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông và đặc biệt phải an toàn lao động.
- + Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- + Gỡ phụ sinh, ký sinh thông thường; Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công, chùi rửa cắt dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.05.11	Duy trì cây bóng mát loại 3	cây/năm	2.262	966.455	185.819	434.905	63.578	1.653.018

CX3.06.00 Giải toả cành cây gãy

1. Thành phần công việc:

- + Cảnh giới giao thông.
- + Giải toả cành cây gãy đổ, nhanh chóng giải phóng mặt bằng.
- + Cắt bằng vết cây gãy, sơn vết cắt.
- + Dọn dẹp vệ sinh, thu gom cành lá, vận chuyển về vị trí theo quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.06.11	Giải toả cành cây gãy loại 1	cây	0	50.085	12.086	22.538	3.388	88.098
CX3.06.12	Giải toả cành cây gãy loại 2	cây	1.434	200.340	71.107	90.153	14.521	377.555
CX3.06.13	Giải toả cành cây gãy loại 3	cây	1.720	333.900	91.228	150.255	23.084	600.188

CX3.10.00 Đốn hạ cây sâu bệnh

1. Thành phần công việc:

- + Khảo sát, lập kế hoạch, liên hệ cắt điện, chuẩn bị dụng cụ, giải phóng mặt bằng, cảnh giới giao thông.
- + Đốn hạ cây, chặt, cưa thân cây thành từng khúc để tại chỗ.
- + Đào gốc san lấp hoàn trả mặt bằng.
- + Thu gọn cành lá, vận chuyển gốc cây về nơi quy định, cự ly vận chuyển trong phạm vi 5km.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.10.11	Đốn hạ cây sáu bệnh, cây loại 1	cây	0	541.660	95.922	243.747	35.253	916.582
CX3.10.12	Đốn hạ cây sáu bệnh, cây loại 2	cây	0	2.120.265	814.616	954.119	155.560	4.044.560
CX3.10.13	Đốn hạ cây sáu bệnh, cây loại 3	cây	0	3.589.425	1.446.439	1.615.241	266.044	6.917.149 ¹

CX3.11.00 Quét vôi gốc cây

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vôi và nước tời vôi.
- + Lọc vôi, quét vôi gốc cao 1m tính từ mặt đất gốc cây, thực hiện bình quân 3lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.11.11	Quét vôi gốc cây loại 1	cây	300	4.883	0	2.197	295	7.675
CX3.11.12	Quét vôi gốc cây loại 2	cây	1.075	8.138	0	3.662	515	13.389
CX3.11.13	Quét vôi gốc cây loại 3	cây	2.150	18.391	0	8.276	1.153	29.969

Chương III - ĐƠN GIÁ CÔNG TÁC DUY TRÌ TRẠM ĐÈN, DUY TRÌ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ

CS.6.01.00 Duy trì trạm đèn

1. Thành phần công việc:

- + Hàng ngày đóng, ngắt, kiểm tra lưới đèn.
- + Vệ sinh bảo dưỡng thiết bị điện, kiểm tra máy, kiểm tra tín hiệu trực máy.
- + Kiểm tra lưới đèn, ghi chép kết quả đèn sáng, đèn tối.
- + Xử lý sự cố nhỏ: tra chì, đấu tiếp xúc, báo công tơ điện mất nguồn.
- + Đọc chỉ số đồng hồ công tơ điện.
- + Kiến nghị sửa chữa thay thế.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CS.6.01.1	Duy trì trạm 01 chế độ bằng thủ công, chiều dài tuyến trạm =1500m	1trạm/ ngày	0	74.200	0	33.390	4.304	111.894
CS.6.01.2	Duy trì trạm 01 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ, chiều dài tuyến trạm =1500m	1trạm/ ngày	0	57.505	0	25.877	3.335	86.718
CS.6.01.3	Duy trì trạm 01 chế độ bằng thiết bị trung tâm điều khiển UTU, chiều dài tuyến trạm =1500m	1trạm/ ngày	0	46.375	0	20.869	2.690	69.934
CS.6.01.4	Duy trì trạm 02 chế độ bằng tay (buổi tối), chiều dài tuyến trạm =1500m	1trạm/ ngày	0	85.330	0	38.399	4.949	128.678
CS.6.01.5	Duy trì trạm 02 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ, chiều dài tuyến trạm =1500m	1trạm/ ngày	0	63.070	0	28.382	3.658	95.110
CS.6.01.6	Duy trì trạm 02 chế độ bằng thiết bị trung tâm điều khiển UTU, chiều dài tuyến trạm =1500m	1trạm/ ngày	0	48.230	0	21.704	2.797	72.731
CS.6.01.7	Quản lý, kiểm tra trạm biến thế đèn công cộng	Lần kiểm tra	0	59.360	0	26.712	3.443	89.515



TN1.01.10 Nạo vét bùn hố ga bằng thủ công

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- + Đặt biển báo công trường.
- + Mở nắp ga, cây tấm đan, chờ khí độc bay đi.
- + Xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển (xe cải tiến hoặc xe đẩy tay).
- + Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm với cự ly bình quân 1000m.
- + Xúc bùn từ xe cải tiến hoặc xe đẩy tay vào phương tiện chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
- + Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính đồng

Mã hiệu	Tên công việc	HVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
TN1.01.11	Nạo vét bùn hố ga bằng thủ công, trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	614.933	0	276.720	35.666	927.318

Ghi chú: Trường hợp không phải trung chuyển bùn thì định mức nhân công được điều chỉnh hệ số $K = 0,87$. Trường hợp nạo vét bùn hố ga có cự ly trung chuyển bùn khác với cự ly qui định thì định mức nhân công được điều chỉnh với các hệ sau:

- + Cự ly trung chuyển 1500m: $K = 1,15$
- + Cự ly trung chuyển 2000m: $K = 1,27$

TN1.01.20 Nạo vét bùn cống ngầm (cống tròn và các loại cống khác có tiết diện tương đương) bằng thủ công.

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- + Đặt biển báo hiệu công trường.
- + Mở nắp ga, cây tấm đan, chờ khí độc bay đi.



- + Dùng quả găng luồn qua cống, gạt bùn về hố ga.
- + Xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển (xe cải tiến hoặc xe đẩy tay).
- + Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm với cự ly bình quân 1000m.
- + Xúc bùn từ xe cải tiến hoặc xe đẩy tay vào phương tiện chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
- + Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng:
TN1.01.21	Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công, ĐK cống <= 200(mm), trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	1.011.231	0	455.054	58.651	1.524.936
TN1.01.22	Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công, ĐK cống 300-600(mm), trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	983.011	0	442.355	57.015	1.482.380
TN1.01.23	Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công, ĐK cống 700-1000(mm), trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	945.383	0	425.423	54.832	1.425.638
TN1.01.24	Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công, ĐK cống >1000(mm), trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	921.866	0	414.840	53.468	1.390.175

Ghi chú: Đơn giá trên tương ứng: Lượng bùn có trong cống trước khi nạo vét: <= 1/3 tiết diện cống ngầm. Trường hợp lượng bùn có trong cống trước khi nạo vét > 1/3 tiết diện cống thì định mức qui định tại bảng trên điều chỉnh với hệ số K = 0,80.

Trường hợp không phải trung chuyển bùn thì định mức nhân công được điều chỉnh hệ số K = 0,87. Trường hợp nạo vét bùn hố ga có cự ly trung chuyển bùn khác với cự ly qui định thì định mức nhân công được điều chỉnh với các hệ sau:

- + Cự ly trung chuyển 1500m: K = 1,15
- + Cự ly trung chuyển 2000m: K = 1,27

PHẦN II- ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH VÙNG CÓ PHỤ CẤP KHU VỰC 0,4
Chương I - ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN ĐÔ THỊ

MT1.01.00 Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công.

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Cảnh giới đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Di chuyển công cụ thu rác dọc tuyến đường, nhặt hết các loại rác, các loại phế thải trên hè phố, xúc hết rác trên đường phố trong phạm vi đường được phân công trong ca làm việc.
- Di chuyển công cụ thu gom rác đến điểm tập kết rác và chuyển sang xe chuyên dùng.
- Dọn sạch rác tại các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Vệ sinh tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.01.01	Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công	1km	0	173.280	0	77.976	10.050	261.306

MT1.02.00 Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển công cụ thu chứa đến nơi làm việc.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Quét rác trên đường phố, vỉa hè, gom thành từng đống nhỏ.
- + Quét nước ứ đọng trên đường (nếu có).
- + Thu gom rác đống trên đường phố, vỉa hè.
- + Hót xúc rác, cát bụi vào công cụ thu chứa.
- + Di chuyển công cụ thu chứa về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dùng.

- + Dọn sạch các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

MA hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.02.01	Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công	10.000m ²	0	361.000	0	162.450	20.938	544.388

MT1.03.00 Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển dụng cụ thu chứa đến nơi làm việc.
- + Đặt biển báo cảnh giới an toàn giao thông.
- + Dùng chổi quét sạch đường sát dải phân cách có chiều rộng là 1,5m.
- + Vun gọn thành đống, xúc lên xe gom. Đối với dải phân cách mềm: luôn chổi qua kẽ các thanh chắn quét sạch cả phần đường đặt dải phân cách.
- + Đẩy công cụ thu rác về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dùng.
- + Dọn sạch các điểm tập kết sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.03.01	Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công	1km	0	115.520	0	51.984	6.700	174.204

MT1.04.00 Công tác tua vĩa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.

- + Dùng xẻng, chổi lùa sạch thành vỉa và vỉa. Dùng chổi gom rác ở miệng hầm ếch và dùng xẻng gom, xúc rác ở miệng hầm ếch.
- + Dọn sạch rác, phế thải ở gốc cây, cột điện (khối lượng phế thải < 0,5m³) (nếu có); bấm nhỏ cỏ xung quanh (nếu có); phát cây 2 bên vỉa hè (nếu có), xúc rác lên phương tiện chứa.
- + Di chuyển công cụ thu rác về điểm tập kết để chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Tuyên truyền, vận động Nhân dân giữ gìn vệ sinh.
- + Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.04.01	Công tác tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hầm ếch	1km	0	115.520	0	51.984	6.700	174.204

MT1.05.00 Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển công cụ thu chứa rác, giỏ, thùng và thu rác nhà dân.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Thu nhặt các túi rác hai bên ngõ, đứng đợi người dân bỏ túi rác lên xe gom.
- + Dùng chổi, xẻng xúc dọn các mô rác dọc ngõ xóm (nếu có) lên công cụ thu chứa và di chuyển về vị trí tập kết qui định.
- + Đối với những ngõ rộng, có vỉa hè, rãnh thoát nước, dùng chổi, xẻng tua vỉa, rãnh và xúc lên xe gom; Dùng chổi quét, gom rác trên hè, trên ngõ
- + Di chuyển công cụ thu rác về điểm tập kết để chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Tuyên truyền, vận động Nhân dân giữ gìn vệ sinh.
- + Vệ sinh tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.05.01	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công	1km	0	187.720	0	84.474	10.888	283.082



MT1.06.00 Công tác xúc rác sinh hoạt tại điểm tập kết rác tập trung lên xe ô tô bằng thủ công

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Cào rác từ bể chứa rác hoặc đống rác, xúc lên công cụ thu chứa di chuyển ra điểm tập kết rác lên ô tô, quét dọn xung quanh bể rác và đống rác, phủ bạt kín trước khi xe chạy.
- + Cuối ca vệ sinh dụng cụ, phương tiện xúc rác, cất vào nơi qui định.
- + Vệ sinh dụng cụ, công cụ về nơi qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng.
MT1.06.01	Công tác xúc rác sinh hoạt tại điểm tập kết rác tập trung lên xe ô tô bằng thủ công	1 tấn	0	126.350	0	56.858	7.328	190.536

MT1.07.00 Công tác xúc dọn phế thải xây dựng bằng thủ công

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Cào, cuốc làm tơi phế thải xây dựng và tiến hành xúc phế thải xây dựng lên xe ô tô, san gạt đất đều trên thùng xe, phủ bạt kín trước khi xe chạy.
- + Vệ sinh sạch sẽ tại vị trí đã được thu dọn phế thải.
- + Cuối ca vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.07.01	Công tác xúc dọn phế thải xây dựng bằng thủ công	1 tấn	0	81.225	0	36.551	4.711	122.487



MT2.01.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Nạp rác từ công cụ thu chứa rác vào máng hứng, ép vào xe.
- + Vận hành hệ thống chuyên dùng ép rác.
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi và xúc lên xe.
- Điều khiển xe đến địa điểm tập kết rác kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe.
- + Điều khiển xe về đến bãi đổ rác.
- + Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đờ vào ở chôn lấp, vận hành hệ thống chuyên dùng để đổ rác theo đúng qui định trong bãi
- + Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- Di chuyển xe về bãi tập kết.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	HVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.01.21	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết rác lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly từ 15km < L ≤ 20km, xe ≤ 5 tấn	1 lần	0	30.324	119.374	4.178	6.155	160.031
MT2.01.22	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết rác lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly 15km < L ≤ 20km, 5 tấn < xe < 10 tấn	1 lần	0	23.646	107.354	3.757	5.390	140.147



MT2.01.23	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết rác lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly $15\text{km} < L \leq 20$, xe \Rightarrow 10 tấn	1 tấn	0	16.787	91.027	3.186	4.440	115.439
-----------	---	-------	---	--------	--------	-------	-------	---------

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1,00
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,30
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66

MT2.02.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác vận chuyển đến địa điểm đổ rác

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Kéo thùng trên vỉa hè hoặc từ điểm tập kết thùng tại cơ sở y tế, nạp rác từ thùng vào máng hứng, ép vào xe.
- + Vận hành hệ thống chuyên dùng ép rác.



- + Thu gom, quét dọn rác rơi vãi và xúc lên xe.
- + Điều khiển xe đến địa điểm tập kết rác kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe.
- + Điều khiển xe về đến bãi đổ rác.
- + Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đờ vào ổ chôn lấp. vận hành hệ thống chuyên dùng để đổ rác theo đúng qui định trong bãi
- + Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- + Di chuyển xe về bãi tập kết.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	DVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.02.21	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân $15 < L \leq 20$ km, xe ≤ 5 tấn	1 tấn	8.360	50.179	248.411	8.694	12.626	328.270
MT2.02.22	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân $15 < L \leq 20$ km, 5 tấn < xe < 10 tấn	1 tấn	8.360	35.739	215.200	7.532	10.673	277.505
MT2.02.23	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân $15 < L \leq 20$ km, xe $\Rightarrow 10$ tấn	1 tấn	8.360	33.934	191.429	6.700	9.617	250.040

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1,00
$20 < L \leq 25$	1,11



$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,30
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66

MT2.03.00 Công tác vận chuyển rác sinh hoạt bằng xe ép rác kín (hooklip)

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Khi rác được xúc đẩy lên xe, vun gọn rác trên xe, phủ bạt kín trước khi chạy.
- + Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- + Điều khiển xe về bãi đổ rác.
- + Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đống vào ô chôn lấp, vận hành đổ rác theo đúng qui định trong bãi.
- + Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- + Di chuyển xe về bãi tập kết.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.03.12	Công tác vận chuyển rác sinh hoạt bằng xe ép rác kín (hooklip) với cự ly thu gom và vận chuyển $15 < L \leq 20$ km, xe < 10 tấn	1 tấn	0	10.108	117.740	4.121	5.279	137.248
MT2.03.22	Công tác vận chuyển rác sinh hoạt bằng xe ép rác kín (hooklip) với cự ly thu gom và vận chuyển $15 < L \leq 20$ km, xe > 10 tấn	1 tấn	0	7.220	84.100	2.944	3.771	98.034

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1.00
$20 < L \leq 25$	1.11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,30
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1.45
$45 < L \leq 50$	1.51
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1.62
$60 < L \leq 65$	1,66

MT2.04.00 Công tác vệ sinh thùng thu gom rác sinh hoạt

1. Thành phần công việc:

+ Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.

- + Di chuyển phương tiện đến địa điểm đặt thùng.
- + Xếp thùng ngay ngắn, đúng vị trí đặt thùng.
- + Dùng giẻ lau, bàn chải cứng, xà phòng cọ rửa thùng.
- + Lau khô bên ngoài thùng, xịt thuốc khử mùi bên trong thùng.
- + Tiếp tục công việc cho đến hết ca làm việc.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.04.11	Công tác vệ sinh thùng thu gom rác sinh hoạt	100 thùng	0	323.950	0	145.778	18.789	488.517

MT2.06.00 Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu gom phế thải xây dựng.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Xúc phế thải xây dựng lên thùng xe.
- + Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- + Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc đầy xe.
- + San, cào phế thải xây dựng, phù bạt, buộc dây
- + Điều khiển xe về bãi đổ.
- + Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đờ vào ô chôn lấp, vận hành đổ rác theo đúng qui định trong bãi.
- + Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- + Di chuyển xe về bãi tập kết
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.



2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Ma hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.06.11	Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ với cự ly bình quân <=10km, xe 2 tấn	1 tấn	0	107.578	86.978	48.410	9.719	252.685
MT2.06.21	Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ với cự ly bình quân <=10km, xe 4 tấn	1 tấn	0	107.578	126.096	48.410	11.283	293.368

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 10$	1,00
$10 < L \leq 15$	1,18
$15 < L \leq 20$	1,40
$20 < L \leq 25$	1,60

MT2.07.00 Công tác xúc rác sinh hoạt tại các điểm tập kết rác tập trung bằng cơ giới

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm xúc rác.
- Lái xe xúc điều khiển, vun gọn lượng rác vào điểm tập trung.
- + Xúc rác lên xe tải ben cho đến lúc đầy xe.
- + Điều khiển gầu xúc vun gọn rác trên xe tải ben.
- + Tiếp tục xúc rác cho các xe tải ben tiếp theo cho đến hết ca làm việc.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.



2. Đơn giá:*Đơn vị tính : đồng*

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.07.11	Công tác xúc rác sinh hoạt tại các điểm tập kết rác tập trung bằng cơ giới	1 tấn	0	1.606	12.956	453	601	15.616

MT2.08.00 Công tác xúc phế thải xây dựng tại các điểm tập kết tập trung bằng cơ giới**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu gom phế thải xây dựng.
- + Lái xe xúc điều khiển, vun gọn phế thải xây dựng.
- + Xúc phế thải xây dựng lên xe tải ben cho đến lúc đầy xe.
- + Điều khiển gầu xúc vun gọn rác trên xe tải ben.
- + Tiếp tục xúc rác các xe tải ben tiếp theo cho đến hết ca làm việc.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

2. Đơn giá:*Đơn vị tính : đồng*

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.08.11	Công tác xúc phế thải xây dựng tại các điểm tập kết tập trung bằng cơ giới	1 tấn	0	1.282	10.335	362	479	12.458

MT2.09.00 Công tác vận chuyển phế thải xây dựng bằng xe tải**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến địa điểm lấy phế thải xây dựng.
- + Khi phế thải được xúc đầy lên xe, vun gọn phế thải trên xe, phủ bạt kín trước khi chạy.
- + Thu gom, quét dọn phế thải rơi vãi lên xe.
- + Điều khiển xe về bãi đổ rác.
- + Cho xe vào căn xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đồ vào ở chôn lấp, vận hành đồ rác theo đúng qui định trong bãi.



+ Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).

+ Di chuyển xe về bãi tập kết.

+ Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.09.12	Công tác vận chuyển phế thải xây dựng bằng xe tải với cự ly vận chuyển bình quân $15\text{km} < L \leq 20\text{km}$, xe < 10 tấn	1 tấn	0	9.386	69.148	2.420	3.238	84.192
MT2.09.22	Công tác vận chuyển phế thải xây dựng bằng xe tải với cự ly vận chuyển bình quân $15\text{km} < L \leq 20\text{km}$, xe \Rightarrow 10 tấn	1 tấn	0	6.137	55.253	1.934	2.533	65.856

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1,00
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,30
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
Cự ly L (km)	Hệ số
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66



MT3.01.00 Công tác vận hành bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, công suất bãi ≤ 500 tấn/ngày

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Tiếp nhận rác, hướng dẫn xe qua cân điện tử, ghi chép số liệu và hướng dẫn chỗ đỗ cho các xe tập kết.
- + Đổ, cào rác từ trên xe xuống, đảm bảo khi xe khởi khu vực đổ không còn rác trên xe.
- + Hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, xa lầy.
- + San ủi các đồng rác thành bãi phẳng, đầm nén để ô tô có thể liên tiếp vào đổ rác.
- + Phun xịt chế phẩm vi sinh (EM), rải Bokashi để khử mùi hôi, xịt nước chống bụi.
- + Sau một lớp rác vừa san ủi lại phủ một lớp đất, tiến hành đầm nén trước khi đổ lớp rác khác lên.
- + Rác vôi bột, hóa chất để diệt trừ ruồi, muỗi.
- + San ủi rác đến khi hết ca làm việc.
- + Quét đường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác.
- + Quét dọn đảm bảo vệ sinh khu vực bãi, khu vực cân điện tử, trạm rửa xe.
- + Duy trì cây xanh khu vực bãi.
- + Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn. Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

Yêu cầu kỹ thuật:

1. Độ dày lớp rác sau khi đầm nén để phủ đất là 2m.
2. Độ dày lớp đất phủ là 0,15m đến 0,2m

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Ma hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT3.01.11	Công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải sinh hoạt, công suất bãi ≤ 500 tấn/ngày	1 tấn	32.261	11.760	9.688	5.292	2.360	61.361

MT3.02.00 Công tác vận hành bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, công suất bãi từ 500 tấn/ngày đến 1.500 tấn/ngày

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động.
- + Ghi chép khối lượng và hướng dẫn chỗ đổ cho các xe tập kết.
- + Cào rác từ trên xe xuống, đảm bảo khi xe khỏi khu vực đổ không còn rác. Kiểm tra cảm quang các loại rác không được phép chôn lấp.
- + Hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, xa lầy.
- + San ủi các đống rác thành bãi phẳng, đầm nén để ô tô có thể liên tiếp vào đổ rác.
- + Sau một lớp rác vừa san ủi lại phủ một lớp đất, tiến hành đầm nén trước khi đổ lớp rác khác lên.
- + Rác vôi bột, hóa chất để diệt trừ ruồi, muỗi.
- + Phun xịt chế phẩm vi sinh (EM), rai Bokashi để khử mùi hôi, xịt nước chống bụi.
- + San ủi rác đến khi hết ca làm việc.
- + Quét đường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác.
- + Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

Yêu cầu kỹ thuật:

1. Có hệ thống xử lý nước rác theo phương pháp sinh học.
2. Độ dày lớp rác sau khi đầm nén để phủ đất là 2m.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT3.02.11	Công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải sinh hoạt, công suất bãi trên 500 tấn/ngày đến 1.500 tấn/ngày	1 tấn	33.550	9.212	7.897	4.145	2.192	56.997

MT3.04.00 Công tác xử lý phế thải xây dựng tại bãi chôn lấp với công suất bãi < 500 tấn/ngày.

I. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Ghi chép khối lượng và hướng dẫn chỗ đổ cho các xe tập kết.



- + Hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, xa lầy.
- + Xe ủi rác thải xây dựng thành đống để ôtô có thể liên tiếp vào đổ rác thải xây dựng.
- + Phun xịt nước chống bụi hàng ngày
- + San ủi rác thải xây dựng đến khi hết ca làm việc
- + Quét đường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác.
- + Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT3.04.11	Công tác xử lý phế thải xây dựng tại bãi chôn lấp, công suất bãi < 500 tấn/ngày	1 tấn	0	6.741	7.475	3.033	690	17.940

MT5.01.00 Công tác quét đường phố bằng cơ giới

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Xe ôtô quét hút theo đúng lịch trình quy định, tới điểm quét đỗ cách mép vỉa 0,2m - 0,3m, bật đèn công tác, kiểm tra các thông số trước khi cho xe vận hành.
- + Đảm bảo tốc độ xe khi quét hút đạt từ 4km/h - 5km/h.
- + Khi rác đầy thì tiến hành đổ phế thải đúng nơi qui định.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT5.01.01	Công tác quét đường phố bằng cơ giới loại xe 5m ³ , đô thị loại III - V	1km	1.640	0	51.358	1.798	2.192	56.987

MT5.02.00 Công tác tưới nước rửa đường

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.

- + Xe lấy nước vào đúng vị trí qui định, các van phải được khóa, vòi phun phải được thông và để ở vị trí cao.
- + Để miệng téc đúng họng nước, khi téc đầy khoá van họng nước, đẩy nắp téc, khoá chặt.
- + Xe ô tô đến điểm rửa đi với tốc độ 6km/giờ, bẻp chéch 5o. áp lực phun nước 5kg/cm²
- + Tiến hành phun tưới nước rửa đường theo đúng lộ trình qui định.
- + Sau khi xả hết téc nước xe về điểm lấy nước và lặp lại thao tác như trên.
- + Sau khi hoàn thành công việc xoay bẻp lên phía trên để tránh vỡ khi gặp ổ gà.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT5.02.01	Công tác tưới nước rửa đường phố bằng xe < 10m ³	1 km	49.000	0	253.962	8.889	12.474	324.324
MT5.02.02	Công tác tưới nước rửa đường phố bằng xe ô tô 16m ³	1 km	49.000	0	245.715	8.600	12.133	315.448

MT5.03.00 Công tác vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường.

1. Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ.
- Kiểm tra cầu dao, hệ thống đường ống, téc chứa nước, đồng hồ đo lưu lượng nước, máy bơm bảo đảm trạng thái hoạt động tốt.
- + Đóng cầu dao điện bơm nước lên téc.
- Đóng mở van xả nước khi xe đến lấy nước.
- Định kì bảo dưỡng động cơ máy bơm, téc chứa nước, họng hút, đồng hồ đo lưu lượng nước.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT5.03.01	Công tác vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường	100m ³ nước	0	76.725	42.298	34.526	6.142	159.691



Chương II - ĐƠN GIÁ DUY TRÌ CÂY XANH ĐỒ THỊ

CX1.01.00 Tưới nước thâm cò thuận chủng và không thuận chủng (tiểu đảo, dải phân cách...)

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
 - + Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều ướt đầm thâm cò, tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới những khu vực xa nguồn nước.
 - + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
 - + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.
- * Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì thâm cò được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5 lít/m² (cò thuận chủng); 6 lít/m² (cò không thuận chủng); Số lần tưới 140 lần/năm.

2. Đơn giá:

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Đơn vị tính : đồng		
						Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.01.11	Tưới nước giếng khoan thâm cò thuận chủng bằng máy bơm nước chạy bằng xăng 3CV	100m ² /lần	3.500	10.727	15.265	4.827	1.373	35.692
CX1.01.12	Tưới nước giếng khoan thâm cò thuận chủng bằng máy bơm nước, máy bơm điện 1,5 KW	100m ² /lần	3.500	14.198	15.497	6.389	1.583	41.167
CX1.01.21	Tưới nước thâm cò thuận chủng bằng thủ công	100m ² /lần	3.500	18.930	0	8.519	1.238	32.186
CX1.01.31	Tưới nước thâm cò thuận chủng bằng xe bồn 6m ³	100m ² /lần	3.500	15.617	31.144	1.090	2.054	53.405
CX1.01.32	Tưới nước thâm cò thuận chủng bằng xe bồn 9m ³	100m ² /lần	3.500	15.617	23.999	7.028	2.006	52.150
CX1.01.51	Tưới nước thâm cò không thuận chủng (dải phân cách, tiểu đảo) bằng thủ công	100m ² /lần	4.200	24.136	0	10.861	1.588	40.765
CX1.01.81	Tưới nước thâm cò không thuận chủng (dải phân cách, tiểu đảo...) bằng xe bồn 6m ³	100m ² /lần	4.200	14.198	33.975	1.189	2.142	55.704
CX1.01.82	Tưới nước thâm cò không thuận chủng (dải phân cách, tiểu đảo...) bằng xe bồn 9m ³	100m ² /lần	4.200	14.198	19.819	6.389	1.784	46.389

CX1.02.00 Phát thăm cò thuận chùng và thăm cò không thuận chùng (tiểu đảo, dải phân cách...)

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Phát thăm cò thường xuyên, duy trì thăm cò luôn bằng phẳng và đảm bảo chiều cao cò bằng 5cm, tùy theo địa hình và điều kiện chăm sóc từng vị trí mà dùng máy cắt cò, phân hoặc dùng liềm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX.02.11	Phát thăm cò thuận chùng bằng máy cắt cò 3CV	100m ² /lần	0	26.173	11.865	11.778	1.993	51.808
CX.02.12	Phát thăm cò không thuận chùng bằng máy cắt cò 3CV	100m ² /lần	0	19.494	8.854	8.772	1.485	38.606
CX.02.21	Phát thăm cò thuận chùng bằng thủ công	100m ² /lần	0	75.375	0	33.919	4.372	113.666
CX.02.22	Phát thăm cò không thuận chùng bằng thủ công	100m ² /lần	0	60.300	0	27.135	3.497	90.932

CX1.03.00 Xén lẻ cỏ

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Xén thẳng lẻ cỏ theo chu vi, cách bó vĩa 10cm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.



2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45 %	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.03.11	Xén lá cỏ lá tre	100md/lần	0	50.250	0	22.613	2.915	75.777
CX1.03.12	Xén lá cỏ nhung	100md/lần	0	75.375	0	33.919	4.372	113.666

CX1.04.00 Làm cỏ tạp

F. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Nhổ sạch cỏ khác lẫn trong cỏ thuận chùng, đảm bảo thảm cỏ được duy trì có lẫn không quá 5% cỏ dại.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45 %	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.04.11	Làm cỏ tạp	100m2/lần	0	50.250	0	22.613	2.915	75.777

CX1.05.00 Trồng dặm cỏ

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Thay thế các chỗ cỏ chết hoặc bị đầm nát, cỏ trồng dặm cùng giống với cỏ hiện hữu.
- + Đảm bảo sau khi trồng dặm thảm cỏ được phủ kín không bị mất khoảng.



- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.05.11	Trồng dặm cỏ lá tre	1m2/lần	26.243	22.948	0	10.328	2.381	61.898
CX1.05.12	Trồng dặm cỏ lá nhung	1m2/lần	39.525	12.898	0	5.804	2.329	60.555

CX1.06.00 Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Phun thuốc trừ sâu cỏ.
- + Mỗi năm phòng trừ 2 đợt, mỗi đợt phun 3 lần, mỗi lần cách nhau 5 đến 7 ngày.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.06.11	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	100m2/lần	705	12.816	0	5.767	771	20.059

CX1.07.00 Bón phân thâm cỏ

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.



- + Rải đều phân trên toàn bộ diện tích thảm cỏ.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.07.11	Bón phân thảm cỏ	100m ² /lần	13.500	16.245	0	7.310	1.482	38.537

CX2.01.00 Duy trì bồn hoa

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đầm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới khu vực xa nguồn nước.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.
- * Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn hoa được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5lít/m²; Số lần tưới 180 lần/năm.
- * Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn cảnh, hàng rào được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5lít/m²; Số lần tưới 140 lần/năm.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%; 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.01.21	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	100m ² /lần	3.500	22.874	0	10.293	1.467	38.134
CX2.01.31	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồn 6m ³	100m ² /lần	3.500	15.775	31.459	1.101	2.073	53.908



CX2.01.32	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồn 9m3	100m2/lần	3.500	15.775	24.126	7.099	2.020	52.520
-----------	---	-----------	-------	--------	--------	-------	-------	--------

CX2.02.00 Công tác thay hoa bồn hoa

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Nhổ sạch hoa tàn, dùng cuốc xẻng xới tơi đất, san bằng mặt bồn theo đúng quy trình.
- + Trồng hoa theo chủng loại được chọn, dùng vòi sen nhỏ tưới nhẹ sau khi trồng.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng công
CX2.02.11	Công tác thay hoa bồn hoa giống	100m2/lần	14.000.000	502.500	0	226.125	589.145	15.317.770
CX2.02.12	Công tác thay hoa bồn hoa giò	100m2/lần	12.800.000	452.250	0	203.513	538.231	13.993.993

CX2.03.00 Phun thuốc trừ sâu bồn hoa

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Pha thuốc, phun thuốc theo quy định.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:*Đơn vị tính : đồng*

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.03.11	Phun thuốc trừ sâu bốn hoa	100m ² /lần	705	30.144	0	13.565	1.777	46.190

CX2.04.00 Bón phân và xử lý đất bốn hoa**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Trộn phân với thuốc xử lý đất theo đúng tỷ lệ.
- + Bón đều phân vào gốc cây.
- + Don dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:*Đơn vị tính : đồng*

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.04.11	Bón phân và xử lý đất bốn hoa	100m ² /lần	47.500	54.331	0	24.449	5.051	131.330

CX2.05.00 Duy trì bốn cảnh lá mầu**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- + Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn.
- + Bón phân vi sinh.
- + Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- + Don dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.



2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.05.11	Duy trì bốn cạnh lá mầu, có hàng rào	100m ² /năm m	6.440.600	3.200.265	0	1.440.119	443.239	11.524.224
CX2.05.12	Duy trì bốn cạnh lá mầu, không hàng rào	100m ² /năm m	9.656.820	4.026.955	0	1.812.130	619.836	16.115.741

CX2.06.00 Duy trì cây hàng rào, đường viên**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Cắt sửa hàng rào vuông thành sắc cạnh, đảm bảo độ cao quy định, làm có vun gốc.
- + Bón phân vi sinh.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.06.11	Duy trì cây hàng rào, đường viên cao < 1m	100m ² /năm	30.150	2.035.125	0	915.806	119.243	3.100.325
CX2.06.12	Duy trì cây hàng rào, đường viên cao => 1m	100m ² /năm	30.150	3.232.750	0	1.454.738	188.706	4.906.343

CX2.07.00 Trồng dặm cây hàng rào, đường viên.**1. Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- + Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn, bón phân hữu cơ.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.



+ Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.07.11	Trồng dặm cây hàng rào, đường viền	m2	17.250	5.679	0	2.556	1.019	26.504

CX2.08.00 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình.

1. Thành phần công việc:

+ Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

+ Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe bơm tới những khu vực xa nguồn nước.

+ Đơn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

+ Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

▼ Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5lít/m²; Số lần tưới 150 lần/năm.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%;	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.08.21	Tưới nước cây ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	100cây/lần	3.500	21.296	0	9.583	1.375	35.755
CX2.08.31	Tưới nước cây ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng xe bốn 6m ³	100cây/lần	3.500	15.617	31.144	1.090	2.054	53.405
CX2.08.32	Tưới nước cây ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng xe bốn 9m ³	100cây/lần	3.500	138.820	21.714	62.469	9.080	235.563



CX2.09.00 Duy trì cây cảnh trở hoa

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Cắt sửa tán gọn gàng, cân đối.
- + Bón phân vi sinh.
- + Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- + Đơn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.09.11	Duy trì cây cảnh trở hoa	100x:4y/năm	200.680	8.366.175	0	3.764.779	493.265	12.824.899

Ghi chú: Đối với công tác duy trì cây cảnh tạo hình cô trở hoa, định mức nhân công được nhân với hệ số $K = 1,1$.

CX2.10.00 Trồng dặm cây cảnh trở hoa

1. Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ cây cảnh xấu, hỏng, xới đất, trồng dặm cây cảnh.
- + Đơn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.10.11	Trồng dặm cây cảnh trở hoa	100cây	1.500.000	2.129.625	0	958.331	183.518	4.771.475

CX2.11.00 Duy trì cây cảnh tạo hình

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Cắt tỉa cây theo hình quy định.
- + Bón phân vi sinh.
- + Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.11.11	Duy trì cây cảnh tạo hình	100cây/năm m	195.510	6.952.860	0	3.128.787	411.086	10.888.243

CX2.12.00 Tưới nước cây cảnh trồng chậu.

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe bồn tới những khu vực xa nguồn nước.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.
- * Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì cây cảnh trồng chậu được quy định như sau: Lượng nước tưới: 3 lít/cây; Số lần tưới 90 lần/năm.



2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%; 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.12.21	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	100chậu/lần	2.100	15.617	0	7.028	990	25.735
CX2.12.31	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng xe bồn 6m3	100chậu/lần	2.100	9.938	20.763	727	1.341	34.869
CX2.12.32	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng xe bồn 9m3	100chậu/lần	2.100	11.358	17.142	5.111	1.428	37.140

CX2.13.00 Thay đất, phân chậu cảnh.**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Xúc bỏ đất cũ, thay đất mới đã được trộn đều với phân và thuốc xử lý đất.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.13.11	Thay đất, phân chậu cảnh	100chậu/lần	1.470.000	1.624.500	0	731.025	153.021	3.978.546

CX2.14.00 Duy trì cây cảnh trồng chậu**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Cắt tai cành hoặc chồi mọc không thích hợp thực hiện 6lần/năm.
- + Bón phân vi sinh 2 lần/năm; phun thuốc trừ sâu 3 đợt, mỗi đợt 2 lần.

- + Nhổ cỏ dại, xới tơi đất thực hiện 4 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.14.11	Duy trì cây cảnh trồng chậu	100chậu/năm	132.510	5.198.400	0	2.339.280	306.808	7.976.998
CX2.15.11	Trồng dặm cây cảnh trồng chậu	100chậu	1.522.500	1.419.750	0	638.888	143.246	3.724.383
CX2.16.11	Thay chậu hồng , vớ	100chậu/lần	15.000.000	1.340.000	0	603.000	677.720	17.620.720

CX3.01.00 Duy trì cây bóng mát mới trồng

Phân loại cây bóng mát:

- + Cây bóng mát mới trồng: Cây sau khi trồng được 90 ngày đến 2 năm.
- + Cây bóng mát trồng sau 2 năm:
- + Cây bóng mát loại 1: Cây cao $\leq 6m$ và có đường kính gốc cây $\leq 20cm$
- + Cây bóng mát loại 2: Cây cao $\leq 12m$ và có đường kính gốc $\leq 50cm$.
- + Cây bóng mát loại 3: Cây cao $> 12m$ hoặc có đường kính gốc $> 50cm$.

I. Thành phần công việc:

- + Tưới nước ướt đẫm gốc cây.
- + Bón phân hữu cơ gốc cây thực hiện trung bình 1 lần/năm.
- + Sửa tán, tạo hình và tẩy chồi: dùng kéo (hoặc cưa) cắt tỉa những cành hoặc chồi mọc không thích hợp với kiểu dáng cần tạo thực hiện trung bình 4 lần/năm.
- + Chồng, sửa cây nghiêng: thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- + Vệ sinh quanh gốc cây: Nhổ cỏ dại quanh gốc cây, dọn dẹp rác quanh gốc cây thu gom vận chuyển đến đống nơi quy định, thực hiện 4 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công, chùi rửa cất dụng cụ tại nơi quy định.



2. Đơn giá:*Đơn vị tính : đồng*

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.01.11	Duy trì cây bóng mát mới trồng	cây/năm	93.624	174.870	113.251	78.692	18.417	478.853

CX3.02.00 Duy trì thảm cỏ gốc bóng mát (Diện tích thảm cỏ bình quân 3m2/bồn)**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Tưới nước bằng xe bồn:
- + Phát và xén thảm cỏ và dọn dẹp vệ sinh thực hiện trung bình 8 lần/năm.
- + Làm cỏ tạp thực hiện trung bình 12 lần/năm; Dọn vệ sinh rác trên thảm cỏ.
- + Trồng dặm cỏ 30%; Bón phân hữu cơ thảm cỏ thực hiện trung bình 2lần/năm.
- Phòng trừ sâu cỏ thực hiện trung bình 6 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công, chùi rửa các dụng cụ tại nơi quy định.
- * Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn cỏ chậu được quy định như sau: Lượng nước tưới: 15 lít/m²; Số lần tưới 140 lần/năm.

2. Đơn giá:*Đơn vị tính : đồng*

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.02.11	Duy trì thảm cỏ gốc cây bóng mát	bồn/năm	67.101	658.825	341.984	296.471	54.575	1.418.956

CX3.03.00 Duy trì cây bóng mát loại I**1. Thành phần công việc:**

- + Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- + Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông, an toàn lao động.
- + Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- + Tẩy chổi thực hiện trung bình 4 lần/năm.



- + Chống sừa cây nghiêng thực hiện 1 lần/năm; Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công; chùi rửa cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.03.11	Duy trì cây bóng mát loại 1	cây/năm	6.675	73.103	0	32.896	4.507	117.180

CX3.04.00 Duy trì cây bóng mát loại 2

1. Thành phần công việc:

- + Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- + Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông, an toàn lao động.
- + Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- + Tẩy chổi thực hiện trung bình 3 lần/năm.
- + Chống sừa cây nghiêng thực hiện 1 lần/năm; Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công; chùi rửa cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.04.11	Duy trì cây bóng mát loại 2	cây/năm	1.365	460.275	111.415	207.124	31.207	811.386

CX3.05.00 Duy trì cây bóng mát loại 3

1. Thành phần công việc:

- + Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- + Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông và đặc biệt phải an toàn lao động.
- + Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- + Cờ phụ sinh, ký sinh thông thường; Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.



+ Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công, chùi rửa cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.05.11	Duy trì cây bóng mát loại 3	cây/năm	2.262	940.405	183.219	423.182	61.963	1.611.031

CX3.06.00 Giải toả cành cây gãy

1. Thành phần công việc:

- + Cành giới giao thông.
- + Giải toả cành cây gãy đổ, nhanh chóng giải phóng mặt bằng.
- + Cắt bằng vết cây gãy, sơn vết cắt.
- + Dọn dẹp vệ sinh, thu gom cành lá, vận chuyển về vị trí theo quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.06.11	Giải toả cành cây gãy loại 1	cây	0	48.735	11.771	21.931	3.297	85.734
CX3.06.12	Giải toả cành cây gãy loại 2	cây	1.434	194.940	70.122	87.723	14.169	368.387
CX3.06.13	Giải toả cành cây gãy loại 3	cây	1.720	324.900	90.008	146.205	22.513	585.347

CX3.10.00 Đốn hạ cây sâu bệnh

1. Thành phần công việc:

- + Khảo sát, lập kế hoạch, liên hệ cắt điện, chuẩn bị dụng cụ, giải phóng mặt bằng, cành giới giao thông.
- + Đốn hạ cây, chặt, cưa thân cây thành từng khúc để tại chỗ.
- + Đào gốc san lấp hoàn trả mặt bằng.
- + Thu gom cành lá, vận chuyển gốc cây về nơi quy định, cự ly vận chuyển trong phạm vi 5km.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.



2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.10.11	Đốn hạ cây sâu bệnh, cây loại 1	cây	0	527.060	93.422	237.177	34.306	891.965
CX3.10.12	Đốn hạ cây sâu bệnh, cây loại 2	cây	0	2.063.115	803.296	928.402	151.793	3.946.605
CX3.10.13	Đốn hạ cây sâu bệnh, cây loại 3	cây	0	3.492.675	1.425.349	1.571.704	259.589	6.749.317

CX3.11.00 Quét vôi gốc cây

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vôi và nước tời vôi.
- + Lọc vôi, quét vôi gốc cao 1m tính từ mặt đất gốc cây, thực hiện bình quân 3lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.11.11	Quét vôi gốc cây loại 1	cây	300	4.733	0	2.130	286	7.449
CX3.11.12	Quét vôi gốc cây loại 2	cây	1.075	7.888	0	3.549	500	13.012
CX3.11.13	Quét vôi gốc cây loại 3	cây	2.150	17.826	0	8.022	1.120	29.117



Chương III - ĐƠN GIÁ CÔNG TÁC DUY TRÌ TRẠM ĐÈN, DUY TRÌ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ

CS.6.01.00 Duy trì trạm đèn

1. Thành phần công việc:

- + Hàng ngày đóng, ngắt, kiểm tra lưới đèn.
- + Vệ sinh bảo dưỡng thiết bị điện, kiểm tra máy, kiểm tra tín hiệu trực máy.
- + Kiểm tra lưới đèn, ghi chép kết quả đèn sáng, đèn tối.
- + Xử lý sự cố nhỏ: tra chì, đấu tiếp xúc, bảo công tơ điện mất nguồn.
- + Đọc chỉ số đồng hồ công tơ điện.
- + Kiến nghị sửa chữa thay thế.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CS.6.01.1	Duy trì trạm 01 chế độ bảng thủ công, chiều dài tuyến trạm = 1500m	l trạm/ ngày	0	72.200	0	32.490	4.188	108.878
CS.6.01.2	Duy trì trạm 01 chế độ bảng đồng hồ hẹn giờ, chiều dài tuyến trạm = 1500m	l trạm/ ngày	0	55.955	0	25.180	3.245	84.380
CS.6.01.3	Duy trì trạm 01 chế độ bảng thiết bị trung tâm điều khiển UTU, chiều dài tuyến trạm = 1500m	l trạm/ ngày	0	45.125	0	20.306	2.617	68.049
CS.6.01.4	Duy trì trạm 02 chế độ bảng tay (buổi tối), chiều dài tuyến trạm = 1500m	l trạm/ ngày	0	83.030	0	37.364	4.816	125.209
CS.6.01.5	Duy trì trạm 02 chế độ bảng đồng hồ hẹn giờ, chiều dài tuyến trạm = 1500m	l trạm/ ngày	0	61.370	0	27.617	3.559	92.546
CS.6.01.6	Duy trì trạm 02 chế độ bảng thiết bị trung tâm điều khiển UTU, chiều dài tuyến trạm = 1500m	l trạm/ ngày	0	46.930	0	21.119	2.722	70.770
CS.6.01.7	Quản lý, kiểm tra trạm biến thế đèn công cộng	Lần kiểm tra	0	57.760	0	25.992	3.350	87.102



TN1.01.10 Nạo vét bùn hố ga bằng thủ công

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- + Đặt biển báo công trường.
- + Mở nắp ga, cây tấm đan, chờ khí độc bay đi.
- + Xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển (xe cải tiến hoặc xe đẩy tay).
- + Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm với cự ly bình quân 1000m.
- + Xúc bùn từ xe cải tiến hoặc xe đẩy tay vào phương tiện chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
- + Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
TN1.01.15	Nạo vét bùn hố ga bằng thủ công, trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	598.358	0	289.261	34.705	902.323

Ghi chú: Trường hợp không phải trung chuyển bùn thì định mức nhân công được điều chỉnh hệ số $K = 0,87$. Trường hợp nạo vét bùn hố ga có cự ly trung chuyển bùn khác với cự ly qui định thì định mức nhân công được điều chỉnh với các hệ số sau:

- Cự ly trung chuyển 1500m: $K = 1,15$
- + Cự ly trung chuyển 2000m: $K = 1,27$

TN1.01.20 Nạo vét bùn cống ngầm (cống tròn và các loại cống khác có tiết diện tương đương) bằng thủ công.

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- + Đặt biển báo hiệu công trường.
- + Mở nắp ga, cây tấm đan, chờ khí độc bay đi.



- Dùng quả găng luồn qua cống, gạt bùn về hồ ga.
- + Xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển (xe cải tiến hoặc xe đẩy tay).
- + Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm với cự ly bình quân 1000m.
- + Xúc bùn từ xe cải tiến hoặc xe đẩy tay vào phương tiện chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
- + Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
TN\01.21	Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công, ĐK cống <= 200(mm). trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	986.076	0	443.734	57.192	1.487.003
TN\01.22	Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công, ĐK cống 300-600(mm). trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	958.558	0	431.351	55.596	1.445.505
TN\01.23	Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công, ĐK cống 700-1000(mm). trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	921.866	0	414.840	53.468	1.390.175
TN\01.24	Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công, ĐK cống >1000(mm). trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	898.934	0	404.520	52.138	1.355.593

Ghi chú: Đơn giá trên tương ứng. Lượng bùn có trong cống trước khi nạo vét. <= 1/3 tiết diện cống ngầm. Trường hợp lượng bùn có trong cống trước khi nạo vét > 1/3 tiết diện cống thì định mức qui định tại bảng trên điều chỉnh với hệ số K = 0,80.

Trường hợp không phải trung chuyển bùn thì định mức nhân công được điều chỉnh hệ số K = 0.87. Trường hợp nạo vét bùn hồ ga có cự ly trung chuyển bùn khác với cự ly qui định thì định mức nhân công được điều chỉnh với các hệ số sau:

+ Cự ly trung chuyển 1500m: K = 1,15

+ Cự ly trung chuyển 2000m: K = 1,27

PHẦN III- ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH VÙNG CÓ PHỤ CẤP KHU VỰC 0,7
Chương I - ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN ĐÔ THỊ

MT1.01.00 Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công.

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Cảnh giới đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Di chuyển công cụ thu rác dọc tuyến đường, nhặt hết các loại rác, các loại phế thải trên hè phố, xúc hết rác trên đường phố trong phạm vi đường được phân công trong ca làm việc.
- + Di chuyển công cụ thu gom rác đến điểm tập kết rác và chuyển sang xe chuyên dùng.
- + Dọn sạch rác tại các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Vệ sinh tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng công
MT .01.01	Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công	1km	0	187.680	0	84.456	10.885	283.021

MT1.02.00 Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển công cụ thu chứa đến nơi làm việc.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Quét rác trên đường phố, vỉa hè, gom thành từng đống nhỏ.
- + Quét nước ứ đọng trên đường (nếu có).
- + Thu gom rác đống trên đường phố, vỉa hè.
- + Hót xúc rác, cát bụi vào công cụ thu chứa.
- + Di chuyển công cụ thu chứa về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dùng.
- + Dọn sạch các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi qui định.



2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.02.01	Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công	10.000m ²	0	391.000	0	175.950	22.678	589.628

MT1.03.00 Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển dụng cụ thu chứa đến nơi làm việc.
- + Đặt biển báo cảnh giới an toàn giao thông.
- + Dùng chổi quét sạch đường sát dải phân cách có chiều rộng là 1,5m.
- + Vun gọn thành đống, xúc lên xe gom. Đối với dải phân cách mềm: luôn chổi qua kẽ các thanh chắn quét sạch cả phần đường đặt dải phân cách.
- + Đẩy công cụ thu rác về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dùng.
- + Dọn sạch các điểm tập kết sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.03.01	Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công	1km	0	125.120	0	56.304	7.257	188.681

MT1.04.00 Công tác tua vĩa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Dùng xẻng, chổi tua sạch thành vĩa và vĩa. Dùng chổi gom rác ở miệng hàm ếch và dùng xẻng gom, xúc rác ở miệng hàm ếch.
- + Dọn sạch rác, phế thải ở gốc cây, cột điện (khối lượng phế thải < 0,5m³) (nếu có); bấm nhỏ cỏ xung quanh
- + Di chuyển công cụ thu rác về điểm tập kết để chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Tuyên truyền, vận động Nhân dân giữ gìn vệ sinh.
- + Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.



2. Đơn giá:*Đơn vị tính : đồng*

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.04.01	Công tác tua vĩa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hầm ếch	l km	0	125.120	0	56.304	7.257	188.681

MT1.05.00 Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển công cụ thu chứa rác ngõ, gõ kèng và thu rác nhà dân.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Thu nhặt các túi rác hai bên ngõ, đứng đợi người dân bỏ túi rác lên xe gom.
- + Dùng chổi, xẻng xúc dọn các mô rác dọc ngõ xóm (nếu có) lên công cụ thu chứa và di chuyển về vị trí tập kết qui định.
- + Đối với những ngõ rộng, có vĩa hè, rãnh thoát nước, dùng chổi, xẻng tua vĩa, rãnh và xúc lên xe gom; Dùng chổi quét, gom rác trên hè, trên ngõ.
- + Di chuyển công cụ thu rác về điểm tập kết để chuyển rác sang xe chuyên dùng.
- + Tuyên truyền, vận động Nhân dân giữ gìn vệ sinh.
- + Vệ sinh tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi qui định.

2. Đơn giá:*Đơn vị tính : đồng*

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.05.01	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công	l km	0	203.320	0	91.494	11.793	306.607

MT1.06.00 Công tác xúc rác sinh hoạt tại điểm tập kết rác tập trung lên xe ôtô bằng thủ công**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Lao tác từ xe chứa rác được dùng tác, xúc lên công cụ thu chứa và di chuyển ra điểm tập kết rác lên ôtô, quét dọn xung quanh hệ rác về đúng nơi, bãi tập kết rác khi về nhà.
- + Cưỡi ca vệ sinh dụng cụ, phương tiện xúc rác, cất vào nơi qui định.
- + Vệ sinh dụng cụ, công cụ về nơi qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.06.01	Công tác xúc rác sinh hoạt tại điểm tập kết rác tập trung lên xe ô tô bằng thủ công	1 tấn	0	136.850	0	61.583	7.937	206.370

MT1.07.00 Công tác xúc dọn phế thải xây dựng bằng thủ công**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Cào, cuốc làm tơi phế thải xây dựng và tiến hành xúc phế thải xây dựng lên xe ô tô, san gạt dất đều trên thùng xe, phủ bạt kín trước khi xe chạy.
- + Vệ sinh sạch sẽ tại vị trí đã được thu dọn phế thải.
- + Cuối ca vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT1.07.01	Công tác xúc dọn phế thải xây dựng bằng thủ công	1 tấn	0	87.975	0	39.589	5.103	132.666

MT2.01.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Nạp rác từ công cụ thu chứa rác vào máng hứng, ép vào xe.
- + Vận hành hệ thống chuyên dùng ép rác.
- + Thu gom, quét dọn rác rơi vãi và xúc lên xe.
- + Điều khiển xe đến địa điểm tập kết rác kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe.
- + Điều khiển xe về đến bãi đổ rác.



- + Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đồ vào ô chôn lấp, vận hành hệ thống chuyên dùng để đổ rác theo đúng qui định trong bãi.
- + Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- + Di chuyển xe về bãi tập kết.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.01.21	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết rác lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly từ 15km < L ≤ 20km, xe ≤ 5 tấn	1 tấn	0	32.844	120.834	4.222	6.308	164.008
MT2.01.22	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết rác lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly 15km < L ≤ 20km, 5 tấn < xe < 10 tấn	1 tấn	0	25.611	108.333	3.792	5.509	143.245
MT2.01.23	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết rác lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly 15km < L ≤ 20, xe > 10 tấn	1 tấn	0	18.182	91.726	3.210	4.525	117.642

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
L ≤ 15	0,95
15 < L ≤ 20	1,00
20 < L ≤ 25	1,11
25 < L ≤ 30	1,22
30 < L ≤ 35	1,30
35 < L ≤ 40	1,38



$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66

MT.02.00 Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác vận chuyển đến địa điểm đổ rác

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Kéo thùng trên vỉa hè hoặc từ điểm tập kết thùng tại cơ sở y tế, nạp rác từ thùng vào máng hứng, ép vào xe.
- + Vận hành hệ thống chuyên dùng ép rác.
- + Thu gom, quét dọn rác rơi vãi và xúc lên xe.
- + Điều khiển xe đến địa điểm tập kết rác kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe.
- + Điều khiển xe về đến bãi đỗ rác.
- + Cho xe vào căn xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đồ vào ô chôn lấp, vận hành hệ thống chuyên dùng để đổ rác theo đúng qui định trong bãi.
- + Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để
- + Di chuyển xe về bãi tập kết.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

		<i>Đơn vị tính : đồng</i>						
Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT.02.21	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân $15 < L \leq 20$ km, xe ≤ 5 tấn	1 tấn	8.360	54.349	251.033	8.786	12.901	335.429



MTR.02.22	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân $15 < L \leq 20$ km, $5 \text{ tấn} < \text{xe} < 10 \text{ tấn}$	1 tấn	8.360	38.709	217.164	7.601	10.873	282.707
MTR.02.23	Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến địa điểm đổ rác với cự ly bình quân $15 < L \leq 20$ km, $\text{xe} \Rightarrow 10 \text{ tấn}$	1 tấn	8.360	36.754	192.899	6.751	9.791	254.555

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1,00
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,30
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66

MTR.03.00 Công tác vận chuyển rác sinh hoạt bằng xe ép rác kín (hooklip)

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến điểm thu gom rác.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Khi rác được xúc đẩy lên xe, vun gọn rác trên xe, phủ bạt kín trước khi chạy.
- + Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- + Điều khiển xe về bãi đổ rác.
- + Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đống vào ô chôn lấp, vận hành đổ rác theo đúng qui định trong bãi.

- + Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để
- + Di chuyển xe về bãi tập kết.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.03.12	Công tác vận chuyển rác sinh hoạt bằng xe ép rác kín (hooklip) với cự ly thu gom và vận chuyển $15 < L \leq 20$ km, xe < 10 tấn	1 tấn	0	10.948	118.580	4.150	5.347	139.026
MT2.03.22	Công tác vận chuyển rác sinh hoạt bằng xe ép rác kín (hooklip) với cự ly thu gom và vận chuyển $15 < L \leq 20$ km, xe > 10 tấn	1 tấn	0	7.820	84.700	2.965	3.819	99.304

Gh chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1,00
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,30
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
Cự ly L (km)	Hệ số
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66

MT2.04.00 Công tác vệ sinh thùng thu gom rác sinh hoạt

I. Thành phần công việc:



- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến địa điểm đặt thùng.
- + Xếp thùng ngay ngắn, đúng vị trí đặt thùng.
- + Dùng giẻ lau, bàn chải cứng, xả phòng cộ rửa thùng.
- + Lau khô bên ngoài thùng, xịt thuốc khử mùi bên trong thùng.
- + Tiếp tục công việc cho đến hết ca làm việc.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.04.11	Công tác vệ sinh thùng thu gom rác sinh hoạt	100 thùng	0	352.450	0	158.603	20.442	531.495

MT2.06.00 Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu gom phế thải xây dựng.
- + Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp.
- + Xúc phế thải xây dựng lên thùng xe.
- + Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe.
- + Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc đầy xe.
- + San, cào phế thải xây dựng, phủ bạt, buộc dây
- + Điều khiển xe về bãi đổ.
- + Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đồ vào ô chôn lấp, vận hành đồ rác theo đúng qui định trong bãi.
- + Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- + Di chuyển xe về bãi tập kết.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.06.11	Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ với cự ly bình quân <=10km, xe 2 tấn	1 tấn	0	116.518	89.213	52.433	10.327	268.491
MT2.06.21	Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ với cự ly bình quân <=10km, xe 4 tấn	1 tấn	0	116.518	127.806	52.433	11.870	308.628

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 10$	1,00
$10 < L \leq 15$	1,18
$15 < L \leq 20$	1,40
$20 < L \leq 25$	1,60

MT2.07.00 Công tác xúc rác sinh hoạt tại các điểm tập kết rác tập trung bằng cơ giới

1. Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm xúc rác.
- Lái xe xúc điều khiển, vun gọn lượng rác vào điểm tập trung.
- + Xúc rác lên xe tải ben cho đến lúc đầy xe.
- + Điều khiển gầu xúc vun gọn rác trên xe tải ben.
- + Tiếp tục xúc rác cho các xe tải ben tiếp theo cho đến hết ca làm việc.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.



2. Đơn giá:*Đơn vị tính : đồng*

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.07.11	Công tác xúc rác sinh hoạt tại các điểm tập kết rác tập trung bằng cơ giới	l tấn	0	1.740	13.089	458	611	15.899

MT2.08.00 Công tác xúc phế thải xây dựng tại các điểm tập kết tập trung bằng cơ giới**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu gom phế thải xây dựng.
- + Lái xe xúc điều khiển, vun gọn phế thải xây dựng.
- + Xúc phế thải xây dựng lên xe tải ben cho đến lúc đầy xe.
- + Điều khiển gàu xúc vun gọn rác trên xe tải ben.
- + Tiếp tục xúc rác các xe tải ben tiếp theo cho đến hết ca làm việc.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

2. Đơn giá:*Đơn vị tính : đồng*

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT2.08.11	Công tác xúc phế thải xây dựng tại các điểm tập kết tập trung bằng cơ giới	l tấn	0	1.388	10.442	365	488	12.683

MT2.09.00 Công tác vận chuyển phế thải xây dựng bằng xe tải**1. Thành phần công việc:**

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Di chuyển phương tiện đến địa điểm lấy phế thải xây dựng.
- + Khi phế thải được xúc đầy lên xe, vun gọn phế thải trên xe, phủ bạt kín trước khi chạy.
- + Thu gom, quét dọn phế thải rơi vãi lên xe.
- + Điều khiển xe về bãi đỗ rác.



- + Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đồ vào ô chôn lấp, vận hành đồ rác theo đúng qui định trong bãi.
- + Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển).
- + Di chuyển xe về bãi tập kết.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đ/đ

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng
MT3.09.12	Công tác vận chuyển phế thải xây dựng bằng xe tải với cự ly vận chuyển bình quân $15\text{km} < L \leq 20\text{km}$, xe < 10 tấn	1 tấn	0	10.166	69.928	2.447	3.302	85
MT3.09.22	Công tác vận chuyển phế thải xây dựng bằng xe tải với cự ly vận chuyển bình quân $15\text{km} < L \leq 20\text{km}$, xe \Rightarrow 10 tấn	1 tấn	0	6.647	55.763	1.952	2.574	66

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì định mức hao phí nhân công và hao phí máy thi công của đơn giá trên được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 15$	0,95
$15 < L \leq 20$	1,00
$20 < L \leq 25$	1,11
$25 < L \leq 30$	1,22
$30 < L \leq 35$	1,30
$35 < L \leq 40$	1,38
$40 < L \leq 45$	1,45
$45 < L \leq 50$	1,51
$50 < L \leq 55$	1,57
$55 < L \leq 60$	1,62
$60 < L \leq 65$	1,66

MT3.01.00 Công tác vận hành bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, công suất bãi ≤ 500 tấn/ngày

1 phần công việc:

1.1. bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.

1.2. hạn rác, hướng dẫn xe qua cân điện tử, ghi chép số liệu và hướng dẫn chỗ đỗ cho các xe tập kết.

1.3. rác từ trên xe xuống, đảm bảo khi xe khỏi khu vực đỗ không còn rác trên xe.

1.4. 3 dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, xa lầy.

1.5. các đồng rác thành bãi phẳng, đảm nén để ô tô có thể liên tiếp vào đỗ rác.

1.6. xịt chế phẩm vi sinh (EM), rải Bokashi để khử mùi hôi, xịt nước chống bụi.

1.7. ột lớp rác vừa san ủi lại phủ một lớp đất, tiến hành đảm nén trước khi đổ lớp rác khác lên.

1.8. ối bột, hóa chất để diệt trừ ruồi, muỗi.

1.9. rác đến khi hết ca làm việc.

1.10. ường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác.

1.11. ọn đảm bảo vệ sinh khu vực bãi, khu vực cân điện tử, trạm rửa xe.

1.12. ị cây xanh khu vực bãi.

1.13. ả san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn. Hết

Yêu cầu kỹ thuật:

1. Độ dày lớp rác sau khi đảm nén để phủ đất là 2m.

2. Độ dày lớp đất phủ là 0,15m đến 0,2m

á:

Đơn vị tính : đồng

Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
Công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải sinh hoạt, công suất bãi <= 500 tấn/ngày	1 tấn	32.261	12.660	9.808	5.697	2.417	62.843

2.00 Công tác vận hành bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, công suất bãi từ 500 tấn/ngày đến 1.500 tấn/ngày

h phần công việc:

2.01. bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động.

2.02. hệp khối lượng và hướng dẫn chỗ đỗ cho các xe tập kết.

2.03. ác từ trên xe xuống, đảm bảo khi xe khỏi khu vực đỗ không còn rác. Kiểm tra cảm quang các loại rác không được phép chôn lấp.

2.04. 3 dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, xa lầy.

2.05. ị các đồng rác thành bãi phẳng, đảm nén để ô tô có thể liên tiếp vào đỗ rác.

2.06. ột lớp rác vừa san ủi lại phủ một lớp đất, tiến hành đảm nén trước khi đổ lớp rác khác lên.

2.07. ối bột, hóa chất để diệt trừ ruồi, muỗi.

2.08. xịt chế phẩm vi sinh (EM), rải Bokashi để khử mùi hôi, xịt nước chống bụi.

- San ủi rác đến khi hết ca làm việc.
- Quét đường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác.
- Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn.
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

Yêu cầu kỹ thuật:

1. Có hệ thống xử lý nước rác theo phương pháp sinh học.
2. Độ dày lớp rác sau khi đầm nén để phủ đất là 2m.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT3.02.11	Công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải sinh hoạt, công suất bãi trên 500 tấn/ngày đến 1.500 tấn/ngày	1 tấn	33.550	9.917	7.998	4.463	2.237	58.164

MT3.04.00 Công tác xử lý phế thải xây dựng tại bãi chôn lấp với công suất bãi < 500 tấn/ngày.

1. Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Ghi chép khối lượng và hướng dẫn chỗ đổ cho các xe tập kết.
- Hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, xa lầy.
- + Xe ủi rác thải xây dựng thành đống để ô tô có thể liên tiếp vào đổ rác thải xây dựng.
- + Phun xịt nước chống bụi hàng ngày
- + San ủi rác thải xây dựng đến khi hết ca làm việc
- Quét đường, rửa đường (ngoài bãi rác) dẫn vào bãi rác.
- Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi qui định, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT3.04.11	Công tác xử lý phế thải xây dựng tại bãi chôn lấp, công suất bãi < 500 tấn/ngày	1 tấn	0	7.371	7.559	3.317	730	18.977



MT5.01.00 Công tác quét đường phố bằng cơ giới

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Xe ôtô quét hút theo đúng lịch trình quy định, tới điểm quét đỗ cách mép vỉa 0,2m - 0,3m, bật đèn công tác,
- + Đảm bảo tốc độ xe khi quét hút đạt từ 4km/h - 5km/h.
- + Khi rác đầy thì tiến hành đổ phế thải đúng nơi qui định.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT5.01.01	Công tác quét đường phố bằng cơ giới loại xe 5m ³ , đô thị loại III - V	1km	1.640	0	51.838	1.814	2.212	57.504

MT5.02.00 Công tác tưới nước rửa đường

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- + Xe lấy nước vào đúng vị trí qui định, các van phải được khóa, vòi phun phải được thông và để ở vị trí cao.
- + Để miệng téc đúng họng nước, khi téc đầy khoá van họng nước, đẩy nắp téc, khoá chặt.
- + Xe ô tô đến điểm rửa đi với tốc độ 6km/giờ, bép chếch 5o, áp lực phun nước 5kg/cm²
- + Tiến hành phun tưới nước rửa đường theo đúng lộ trình qui định.
- + Sau khi xả hết téc nước xe về điểm lấy nước và lặp lại thao tác như trên.
- + Sau khi hoàn thành công việc xoay bép lên phía trên để tránh vỡ khi gặp ổ gà.
- + Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm qui định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT5.02.01	Công tác tưới nước rửa đường phố bằng xe < 10m ³	1 km	49.000	0	256.962	8.994	12.598	327.553



MT5.02.02	Công tác tưới nước rửa đường phố bằng xe ô tô 16m3	1 km	49.000	0	248.055	8.682	12.229	317.967
-----------	--	------	--------	---	---------	-------	--------	---------

MT5.03.00 Công tác vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường.

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ.
- + Kiểm tra cầu dao, hệ thống đường ống, téc chứa nước, đồng hồ đo lưu lượng nước, máy bơm bảo đảm trạng thái hoạt động tốt.
- + Đóng cầu dao điện bơm nước lên téc.
- + Đóng mở van xả nước khi xe đến lấy nước.
- Định kì bảo dưỡng động cơ máy bơm, téc chứa nước, họng hút, đồng hồ đo lưu lượng nước.
- ▾ Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
MT5.03.01	Công tác vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường	100m3 nước	0	83.475	44.293	37.564	6.613	171.945

Chương II - ĐƠN GIÁ DUY TRÌ CÂY XANH ĐÔ THỊ

CX1.01.00 Tưới nước thảm cỏ thuần chủng và không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách...)

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều ướt thảm cỏ, tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

* Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì thảm cỏ được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5 lít/m²

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX.01.11	Tưới nước giếng khoan thảm cỏ thuần chủng bằng máy bơm nước chạy bằng xăng 3CV	100m ² /lần	3.500	11.747	16.285	5.286	1.473	38.291

CX.01.12	Tưới nước giếng khoan thăm cò thuận chùng bằng máy bơm nước, máy bơm điện 1,5 KW	100m ² /lần	3.500	15.548	16.847	6.996	1.716	44.607
CX.01.21	Tưới nước thăm cò thuận chùng bằng thủ công	100m ² /lần	3.500	20.730	0	9.329	1.342	34.901
CX.01.31	Tưới nước thăm cò thuận chùng bằng xe bồn 6m ³	100m ² /lần	3.500	17.102	31.589	1.106	2.132	55.429
CX.01.32	Tưới nước thăm cò thuận chùng bằng xe bồn 9m ³	100m ² /lần	3.500	17.102	24.283	7.696	2.103	54.684
CX.01.51	Tưới nước thăm cò không thuận chùng (dải phân cách, tiểu đảo) bằng thủ công	100m ² /lần	4.200	26.431	0	11.894	1.701	44.226
CX.01.61	Tưới nước thăm cò không thuận chùng (dải phân cách, tiểu đảo...) bằng xe bồn 6m ³	100m ² /lần	4.200	15.548	34.481	1.206	2.217	57.631
CX.01.62	Tưới nước thăm cò không thuận chùng (dải phân cách, tiểu đảo...) bằng xe bồn 9m ³	100m ² /lần	4.200	15.548	20.102	6.996	1.874	48.720

CX1.02.00 Phát thăm cò thuận chùng và thăm cò không thuận chùng (tiểu đảo, dải phân cách...)

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Phát thăm cò thường xuyên, duy trì thăm cò luôn bằng phẳng và đảm bảo chiều cao cò bằng 5cm, tùy theo địa hình và điều kiện chăm sóc từng vị trí mà dùng máy cắt cỏ, phân hoặc dùng liềm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX.02.11	Phát thăm cò thuận chùng bằng máy cắt cỏ 3CV	100m ² /lần	0	28.348	12.769	12.756	2.155	56.028
CX.02.12	Phát thăm cò không thuận chùng bằng máy cắt cỏ 3CV	100m ² /lần	0	21.114	9.529	9.501	1.606	41.751
CX.02.21	Phát thăm cò thuận chùng bằng thủ công	100m ² /lần	0	82.125	0	36.956	4.763	123.845



CX.02.22	Phát thảm cỏ không thuận chùng bằng thủ công	100m2/lần	0	65.700	0	29.565	3.811	99.076
----------	--	-----------	---	--------	---	--------	-------	--------

CX1.03.00 Xén lẻ cỏ

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Xén thẳng lẻ cỏ theo chu vi, cách bờ vỉa 10cm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX.03.11	Xén lẻ cỏ lá tre	100md/lần	0	54.750	0	24.638	3.176	82.563
CX.03.12	Xén lẻ cỏ nhung	100md/lần	0	82.125	0	36.956	4.763	123.845

CX1.04.00 Làm cỏ tạp

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Nhổ sạch cỏ khác lẫn trong cỏ thuận chùng, đảm bảo thảm cỏ được duy trì cỏ lẫn không quá 5% cỏ dại.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX.04.11	Làm cỏ tạp	100m2/lần	0	54.750	0	24.638	3.176	82.563

CX1.05.00 Trồng dặm cỏ

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

- + Thay thế các chỗ cỏ chết hoặc bị dẫm nát, cỏ trống đậm cùng giống với cỏ hiện hữu.
- + Đảm bảo sau khi trồng đậm thảm cỏ được phủ kín không bị mất khoảng.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.05.11	Trồng đậm cỏ lá tre	1m2/lần	26.243	25.003	0	11.251	2.500	64.996
CX1.05.12	Trồng đậm cỏ lá nhung	1m2/lần	39.525	14.053	0	6.324	2.396	62.297

CX1.06.00 Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Phun thuốc trừ sâu cỏ.
- + Mỗi năm phòng trừ 2 đợt, mỗi đợt phun 3 lần, mỗi lần cách nhau 5 đến 7 ngày.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.06.11	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	100m2/lần	705	13.881	0	6.246	833	21.665

CX1.07.00 Bón phân thảm cỏ

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Bón đều phân trên toàn bộ diện tích thảm cỏ.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX1.07.11	Bón phân thảm cỏ	100m2/lần	13.500	17.595	0	7.918	1.561	40.573



CX2.01.00 Duy trì bồn hoa

I. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.
- * Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn hoa được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5l/m²; Số lần tưới 180 lần/năm.
- * Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn cảnh, hàng rào được quy định như sau: Lượng nước tưới: 5l/m²; Số lần tưới 140 lần/năm.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%; 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.01.21	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	100m ² /lần	3.500	25.049	0	11.272	1.593	41.414
CX2.01.31	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồn 6m ³	100m ² /lần	3.500	17.275	31.909	1.117	2.152	55.952
CX2.01.32	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồn 9m ³	100m ² /lần	3.500	17.275	24.411	7.774	2.118	55.078

CX2.02.00 Công tác thay hoa bồn hoa

I. Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Nhổ sạch hoa tàn, dùng cuốc xới tơi đất, san bằng mặt bồn theo đúng quy trình.
- + Trồng hoa theo chủng loại được chọn, dùng vòi sen nhỏ tưới nhẹ sau khi trồng.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.02.11	Công tác thay hoa bồn hoa giống	100m ² /lần	14.000.000	547.500	0	246.375	591.755	15.385.630

CX2.02.12	Công tác thay hoa bồn hoa giỏ	100m2/lần	12.800.000	492.750	0	221.738	540.580	14.055.067
-----------	-------------------------------	-----------	------------	---------	---	---------	---------	------------

CX2.03.00 Phun thuốc trừ sâu bồn hoa

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Pha thuốc, phun thuốc theo quy định.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.03.11	Phun thuốc trừ sâu bồn hoa	100m2/lần	705	32.649	0	14.692	1.922	49.967

CX2.04.00 Bón phân và xử lý đất bồn hoa

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Trộn phân với thuốc xử lý đất theo đúng tỷ lệ.
- + Bón đều phân vào gốc cây.
- + Đơn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.04.11	Bón phân và xử lý đất bồn hoa	100m2/lần	47.500	58.846	0	26.480	5.313	138.139

CX2.05.00 Duy trì bồn cảnh lá màu

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.

- + Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn.
- + Bón phân vi sinh.
- + Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đ

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng
CX2.05.11	Duy trì bốn cánh lá mẫu, có hàng rào	100m ² /năm m	6.440.600	3.466.215	0	1.559.797	458.664	11.464.276
CX2.05.12	Duy trì bốn cánh lá mẫu, không hàng rào	100m ² /năm m	9.656.820	4.361.605	0	1.962.722	639.246	16.619.393

CX 2.06.00 Duy trì cây hàng rào, đường viên

1. Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt sửa hàng rào vuông thành sắc cạnh, đảm bảo độ cao quy định, làm cỏ vun gốc.
- + Bón phân vi sinh.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đ

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng
CX2.06.11	Duy trì cây hàng rào, đường viên cao < 1m	100m ² /năm	30.150	2.217.375	0	997.819	129.814	3.375.154
CX2.06.12	Duy trì cây hàng rào, đường viên cao => 1m	100m ² /năm	30.150	3.522.250	0	1.585.013	205.497	5.442.900

CX 2.07.00 Trồng dặm cây hàng rào, đường viên.

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.

ò dài; cắt tia bấm ngọn, bón phân hữu cơ.
 vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
 , cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng

Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
Trồng dặm cây hàng rào, đường viên	m2	17.250	6.219	0	2.799	1.051	27.318

0 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình.

phần công việc:

đi, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.

đi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố hoặc bằng xe bồn tới những khu vực xa nguồn nước.

ph vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

ra, cất dụng cụ tại nơi quy định.

nước tưới và số lần tưới để duy trì cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình được quy định như

lượng nước tưới: 5lít/m²; Số lần tưới 150 lần/năm.

Đơn vị tính : đồng

Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%; 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
Tưới nước cây ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	100cây/lần	3.500	23.321	0	10.495	1.493	38.808
Tưới nước cây ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng xe bồn 6m ³	100cây/lần	3.500	17.102	31.589	1.106	2.132	55.429
Tưới nước cây ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng xe bồn 9m ³	100cây/lần	3.500	152.020	21.970	68.409	9.836	255.735

CX2.09.00 Duy trì cây cảnh trở hoa

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Cắt sửa tán gọn gàng, cân đối.
- + Bón phân vi sinh.
- + Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- + Đơn đẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.09.11	Duy trì cây cảnh trở hoa	100cây/năm	200.680	9.061.425	0	4.077.641	533.590	13.873.338

Ghi chú: Đối với công tác duy trì cây cảnh tạo hình có trở hoa, định mức nhân công được nhân với hệ số $K = 1,1$.

CX2.10.00 Trồng dặm cây cảnh trở hoa

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Nhổ bỏ cây cảnh xấu, hỏng, xới đất, trồng dặm cây cảnh.
- + Đơn đẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX 10.11	Trồng dặm cây cảnh trở hoa	100cây	1.500.000	2.332.125	0	1.049.456	195.263	5.076.845

CX2.11.00 Duy trì cây cảnh tạo hình

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Cắt tỉa cây theo hình quy định.

- + Bón phân vi sinh.
- + Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX.11.11	Duy trì cây cảnh tạo hình	100cây/năm	195.510	7.530.660	0	3.388.797	444.599	11.559.566

CX2.12.00 Tưới nước cây cảnh trồng chậu.

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe bồn tới những khu vực xa nguồn nước.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.
- * Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì cây cảnh trồng chậu được quy định như sau: Lượng nước tưới: 3 lít/cây; Số lần tưới 90 lần/năm.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%; 3,5%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX.12.21	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	100chậu/lần	2.100	17.102	0	7.696	1.076	27.974
CX.12.31	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng xe bồn 6m3	100chậu/lần	2.100	10.883	21.060	737	1.391	36.171

CX2.12.32	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng xe bốn 9m3	100chậu/lần	2.100	12.438	17.345	5.597	1.499	38.979
-----------	---	-------------	-------	--------	--------	-------	-------	--------

CX2.13.00 Thay đất, phân chậu cảnh.

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Xúc bỏ đất cũ, thay đất mới đã được trộn đều với phân và thuốc xử lý đất.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.13.11	Thay đất, phân chậu cảnh	100chậu/lần	1.470.000	1.759.500	0	791.775	160.851	4.182.126

CX2.14.00 Duy trì cây cảnh trồng chậu

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Cắt tỉa cành hoặc chồi mọc không thích hợp thực hiện 6lần/năm.
- + Bón phân vì sinh 2 lần/năm; phun thuốc trừ sâu 3 đợt, mỗi đợt 2 lần.
- + Nhổ cỏ dại, xới tơi đất thực hiện 4 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX2.14.11	Duy trì cây cảnh trồng chậu	100chậu/năm	132.510	5.630.400	0	2.533.680	331.864	8.628.454
CX2.15.11	Trồng dặm cây cảnh trồng chậu	100chậu	1.522.500	1.554.750	0	699.638	151.076	3.927.963

CX2.16.11	Thay chậu hồng , vờ	100chậu/lá n	15.000.000	1.460.000	0	657.000	684.680	17.801.680
-----------	---------------------	-----------------	------------	-----------	---	---------	---------	------------

CX3.01.00 Duy trì cây bóng mát mới trồng

Phân loại cây bóng mát:

- + Cây bóng mát mới trồng: Cây sau khi trồng được 90 ngày đến 2 năm.
- + *Cây bóng mát trồng sau 2 năm:*
- + Cây bóng mát loại 1: Cây cao $\leq 6m$ và có đường kính gốc cây ≤ 20 cm
- + Cây bóng mát loại 2: Cây cao $\leq 12m$ và có đường kính gốc ≤ 50 cm.
- + Cây bóng mát loại 3: Cây cao $> 12m$ hoặc có đường kính gốc > 50 cm.

1. Thành phần công việc:

- + Tưới nước ướt đẫm gốc cây.
- + Bón phân hữu cơ gốc cây thực hiện trung bình 1 lần/năm.
- + Sửa tán, tạo hình và tẩy chồi: dùng kéo (hoặc cưa) cắt tỉa những cành hoặc chồi mọc không thích hợp với kiểu dáng cần tạo thực hiện trung bình 4 lần/năm.
- + Chống, sửa cây nghiêng: thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- ÷ Vệ sinh quanh gốc cây: Nhổ cỏ dại quanh gốc cây, dọn dẹp rác quanh gốc cây thu gom vận chuyển đến chỗ nơi quy định, thực hiện 4 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công, chùi rửa cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.01.11	Duy trì cây bóng mát mới trồng	cây/năm	93.624	190.530	114.871	85.739	19.391	504.153

CX3.02.00 Duy trì thảm cỏ gốc bóng mát (Diện tích thảm cỏ bình quân 3m²/bồn)

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- + Tưới nước bằng xe bón;
- + Phát và xén thảm cỏ và dọn dẹp vệ sinh thực hiện trung bình 8 lần/năm.

- + Làm cỏ tạp thực hiện trung bình 12 lần/năm; Dọn vệ sinh rác trên thảm cỏ.
- + Trồng dặm cỏ 30%; Bón phân hữu cơ thảm cỏ thực hiện trung bình 2lần/năm
- + Phòng trừ sâu cỏ thực hiện trung bình 6 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công; chùi rửa các dụng cụ tại nơi quy định.
- * Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn cỏ chậu được quy định như sau: Lượng nước tưới: 15 lít/m²; Số lần tưới 140 lần/năm.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.02.11	Duy trì thảm cỏ góc cây bóng mát	bón/năm	67.101	713.575	347.144	321.109	57.957	1.506.886

CX3.03.00 Duy trì cây bóng mát loại 1

1. Thành phần công việc:

- + Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện
- + Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông, an toàn lao động.
- + Lấy nhánh khô, né nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- + Tẩy chối thực hiện trung bình 4 lần/năm.
- + Chống sửa cây nghiêng thực hiện 1 lần/năm; Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công; chùi rửa các dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.03.11	Duy trì cây bóng mát loại 1	cây/năm	6.675	79.178	0	35.630	4.859	126.341

CX3.04.00 Duy trì cây bóng mát loại 2

1. Thành phần công việc:

- + Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.

- + Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông, an toàn lao động.
- + Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- + Tẩy chồi thực hiện trung bình 3 lần/năm.
- + Chống sưa cây nghiêng thực hiện 1 lần/năm; Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công; chùi rửa cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.04.11	Duy trì cây bóng mát loại 2	cây/năm	1.365	498.525	116.125	224.336	33.614	873.966

CX3.05.00 Duy trì cây bóng mát loại 3

1. Thành phần công việc:

- + Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- + Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông và đặc biệt phải an toàn lao động.
- + Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- + Gỡ phụ sinh, ký sinh thông thường; Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công, chùi rửa cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.05.11	Duy trì cây bóng mát loại 3	cây/năm	2.262	1.018.555	191.019	458.350	66.807	1.736.993

CX3.06.00 Giải toả cành cây gãy

1. Thành phần công việc:

- + Cảnh giới giao thông.

- + Giải toả cành cây gãy đổ, nhanh chóng giải phóng mặt bằng.
- + Cắt bằng vết cây gãy, sơn vết cắt.
- + Dọn dẹp vệ sinh, thu gom cành lá, vận chuyển về vị trí theo quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX.06.11	Giải toả cành cây gãy loại 1	cây	0	52.785	12.716	23.753	3.570	92.825
CX.06.12	Giải toả cành cây gãy loại 2	cây	1.434	211.140	73.077	95.013	15.227	395.890
CX.06.13	Giải toả cành cây gãy loại 3	cây	1.720	361.900	93.668	158.355	24.226	629.869

CX3.10.00 Đốn hạ cây sâu bệnh

1. Thành phần công việc:

- + Khảo sát, lập kế hoạch, liên hệ cải thiện, chuẩn bị dụng cụ, giải phóng mặt bằng, cảnh giới giao thông.
- + Đốn hạ cây, chặt, cưa thân cây thành từng khúc để tại chỗ
- + Đào gốc san lấp hoàn trả mặt bằng.
- + Thu gom cành lá, vận chuyển gốc cây về nơi quy định, cự ly vận chuyển trong phạm vi 5km.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX.10.11	Đốn hạ cây sâu bệnh, cây loại 1	cây	0	570.860	100.922	256.887	37.147	965.816
CX.10.12	Đốn hạ cây sâu bệnh, cây loại 2	cây	0	2.234.565	837.256	1.005.554	163.095	4.240.470
CX.10.13	Đốn hạ cây sâu bệnh, cây loại 3	cây	0	3.782.925	1.488.619	1.702.316	278.954	7.252.815

CX3.11.00 Quét vôi gốc cây

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị, vận chuyển vôi và nước tưới vôi.

- + Lọc vôi, quét vôi gốc cao 1m tính từ mặt đất gốc cây, thực hiện bình quân 3lần/năm.
- + Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- + Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CX3.11.11	Quét vôi gốc cây loại 1	cây	300	5.183	0	2.332	313	8.127
CX3.11.12	Quét vôi gốc cây loại 2	cây	1.075	8.638	0	3.887	544	14.143
CX3.11.13	Quét vôi gốc cây loại 3	cây	2.150	19.521	0	8.784	1.218	31.673

Chương III - ĐƠN GIÁ CÔNG TÁC DUY TRÌ TRẠM ĐÈN, DUY TRÌ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ

CS.6.01.00 Duy trì trạm đèn

1. Thành phần công việc:

- + Hàng ngày đóng, ngắt, kiểm tra lưới đèn.
- + Vệ sinh bảo dưỡng thiết bị điện, kiểm tra máy, kiểm tra tín hiệu trực máy.
- + Kiểm tra lưới đèn, ghi chép kết quả đèn sáng, đèn tối.
- + Xử lý sự cố nhỏ: tra chì, đấu tiếp xúc, báo công tơ điện mất nguồn.
- + Đọc chỉ số đồng hồ công tơ điện.
- + Kiến nghị sửa chữa thay thế.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
CSB.01.1	Duy trì trạm 01 chế độ bằng thù công, chiều dài tuyến trạm =1500m	1 trạm/ ngày	0	78.200	0	35.190	4.536	117.926



CS6.01.2	Duy trì trạm 01 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ, chiều dài tuyến trạm =1500m	1trạm/ ngày	0	60.605	0	27.272	3.515	91.392
CS6.01.3	Duy trì trạm 01 chế độ bằng thiết bị trung tâm điều khiển UTU, chiều dài tuyến trạm =1500m	1trạm/ ngày	0	48.875	0	21.994	2.835	73.704
CS6.01.4	Duy trì trạm 02 chế độ bằng tay (buổi tối), chiều dài tuyến trạm =1500m	1trạm/ ngày	0	89.930	0	40.469	5.216	135.614
CS6.01.5	Duy trì trạm 02 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ, chiều dài tuyến trạm =1500m	1trạm/ ngày	0	66.470	0	29.912	3.855	100.237
CS6.01.6	Duy trì trạm 02 chế độ bằng thiết bị trung tâm điều khiển UTU, chiều dài tuyến trạm =1500m	1trạm/ ngày	0	50.830	0	22.874	2.948	76.652
CS6.01.7	Quản lý, kiểm tra trạm biến thế đèn công cộng	Lần kiểm tra	0	62.560	0	28.152	3.628	94.340

TN1.01.10 Nạo vét bùn hồ ga bằng thủ công

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- + Đặt biển báo công trường.
- + Mở nắp ga, cạy tấm đan, chờ khí độc bay đi.
- + Xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển (xe cải tiến hoặc xe đẩy tay).
- + Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm với cự ly bình quân 1000m.
- + Xúc bùn từ xe cải tiến hoặc xe đẩy tay vào phương tiện chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
- + Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45%	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
TN1.01.11	Nạo vét bùn hồ ga bằng thủ công, trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	648.083	0	291.637	37.589	977.308

Ghi chú: Trường hợp không phải trung chuyển bùn thì định mức nhân công được điều chỉnh hệ số $K = 0,87$. Trường hợp nạo vét bùn hồ ga có cự ly trung chuyển bùn khác với cự ly qui định thì định mức nhân công được điều chỉnh với các hệ số sau:

- + Cự ly trung chuyển 1500m: $K = 1,15$



+ Cự ly trung chuyển 2000m: K = 1,27

TN1.01.20 Nạo vét bùn cống ngầm (cống tròn và các loại cống khác có tiết diện tương đương) bằng thủ công.

1. Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- + Đặt biển báo hiệu công trường.
- + Mở nắp ga, cạy tấm đan, chờ khí độc bay đi.
- + Dùng quả găng luồn qua cống, gạt bùn về hố ga.
- + Xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển (xe cải tiến hoặc xe đẩy tay).
- + Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm với cự ly bình quân 1000m.
- + Xúc bùn từ xe cải tiến hoặc xe đẩy tay vào phương tiện chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
- + Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

2. Đơn giá:

Đơn vị tính : đồng

Mã hiệu	Tên công việc	ĐVT	VL	NC	MTC	Chi phí quản lý chung 45 %	Lợi nhuận ĐM 4%	Tổng cộng
TN1.01.21	Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công, ĐK cống <= 200(mm), trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	1.061.541	0	477.693	61.569	1.600.804
TN1.01.22	Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công, ĐK cống 300-600(mm), trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	1.031.917	0	464.362	59.851	1.556.130



TN	01.23	Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công, ĐK cống 700-1000(mm), trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	992.417	0	446.588	57.560
TN	01.24	Nạo vét bùn cống ngầm bằng thủ công, ĐK cống >1000(mm), trung chuyển tới nơi tập kết tạm bình quân 1km	m3 bùn	0	967.730	0	435.479	56.128

Gh chú: Đơn giá trên tương ứng: Lượng bùn có trong cống trước khi nạo vét: $\leq 1/3$ tiết diện cống ngầm. Trường hợp lượng bùn có trong cống khi nạo vét $> 1/3$ tiết diện cống thì định mức qui định tại bảng trên điều chỉnh với hệ số $K = 0,80$.

Trường hợp không phải trung chuyển thì định mức nhân công được điều chỉnh hệ số $K = 0,87$. Trường hợp nạo vét bùn hồ ga có trung chuyển bùn khác với cự ly qui định thì định mức nhân công được điều chỉnh với các hệ số sau:

+ Cự ly trung chuyển 1500m: $K = 1,15$

+ Cự ly trung chuyển 2000m: $K = 1,27$

STT	Tên vật liệu	ĐVT	Giá vật liệu
1	Vôi bột	tấn	1.500.000
2	Đất chôn lấp	m3	45.000
3	Hoá chất diệt ruồi	lít	120.000
4	EM thứ cấp	lít	21.000
5	Bokashi	kg	56.000
6	Chổi xe quét	bộ	250.000
7	Nước	m3	7.000
8	Cỏ	m2	45.000
9	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	4.200
10	Thuốc trừ sâu	lít	47.000
11	Hoa giống	cây	5.600
12	Hoa giỏ	giỏ	8.000
13	Phân vô cơ	kg	13.000
14	Thuốc xử lý đất	kg	125.000
15	Cây cảnh	cây	20.000
16	Cây hàng rào	cây	500
17	Đất mùn đen trộn cát mịn	m3	65.000
18	Cây giống	cây	15.000
19	Chậu cảnh	chậu	150.000
20	Cây chống phi 60	cây	16.000
21	Dây kẽm 1mm	kg	22.000
22	Vôi bột	kg	1.500
23	Sơn	kg	56.500
24	Xăng	lít	16.773
25	Nep gỗ	cây	10.000
26	Đinh	kg	22.000
27	A dao	kg	20.000
28	Chổi tre 1,2m	cái	20.000
29	Xẻng xúc	cái	35.000
30	Xe gom rác	cái	3.000.000
31	Chổi xuể	cái	20.000
32	Quốc bản	cái	40.000
33	Thùng rác nhựa	cái	1.900.000
34	Cỏ lá tre	kg	10.000
35	Cỏ nhung	kg	36.000
36	Phân vi sinh	kg	4.500

BẢNG GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ VÙNG CÓ PHỤ CẤP KHU VỰC 0,5

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên ca máy và thiết bị	ĐVT	Giá ca máy và thiết bị
1	Xe bồn 6m ³	ca	1.053.618
2	Xe bồn 7m ³	ca	1.155.584
3	Xe bồn 9m ³	ca	1.274.808
4	Xe bồn nước 16m ³	ca	1.580.098
5	Máy ủi 110CV	ca	1.778.387
6	Máy ủi 140CV	ca	2.432.985
7	Máy ủi 170CV (160cv)	ca	2.942.855
8	Ô tô quét (xe nhặt rác)	ca	1.609.928
9	Máy bơm chạy dầu diesel 5CV	ca	243.008
10	Máy bơm chạy xăng 3CV	ca	229.482
11	Máy bơm xăng 6CV	ca	264.060
12	Máy bơm chạy điện 1,5KW	ca	177.189
13	Máy bơm chạy điện 4,5KW	ca	197.185
14	Máy bơm chạy điện 22 KW	ca	323.031
15	Máy cắt cỏ công suất 3CV (0,8kw)	ca	201.765
16	Xe thang cao 12m	ca	1.771.752
17	Cửa máy cày tay công suất 1,3 kw	ca	191.844
18	Xe thang cao 18m	ca	2.039.357
19	Xe ép rác 4Tấn	ca	1.426.116
20	Xe ép rác 7Tấn	ca	1.649.007
21	Xe ép rác 10Tấn	ca	1.958.361
22	Xe bồn hút bùn 3Tấn	ca	1.252.657
23	Xe ép rác kín (xe hooklip)	ca	2.107.506
24	Ô tô có cầu tự hành 2,5T (3,0T)	ca	1.190.758
25	Ô tô tải 2tấn	ca	588.747
26	Ô tô tự đổ 5 tấn	ca	1.111.107
27	Xe tải 7 tấn	ca	1.334.763
28	Xe tải 10 tấn	ca	1.630.079
29	Máy xúc lật - dung tích gầu 1,0 m ³	ca	1.460.681
30	Máy xúc lật - dung tích gầu 1,65 m ³	ca	2.499.920
31	Máy xúc lật - dung tích gầu 2,3 m ³	ca	2.704.219

BẢNG GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ VÙNG CÓ PHỤ CẤP KHU VỰC 0,4

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên ca máy và thiết bị	ĐVT	Giá ca máy và thiết bị
1	Xe bồn 6m3	ca	1.048.618
2	Xe bồn 7m3	ca	1.150.584
3	Xe bồn 9m3	ca	1.269.808
4	Xe bồn nước 16m3	ca	1.575.098
5	Máy ủi 110CV	ca	1.768.387
6	Máy ủi 140CV	ca	2.422.985
7	Máy ủi 170CV (160cv)	ca	2.932.855
8	Ô tô quét (xe nhặt rác)	ca	1.604.928
9	Máy bơm chạy dầu diezel 5CV	ca	238.008
10	Máy bơm chạy xăng 3CV	ca	224.482
11	Máy bơm xăng 6CV	ca	259.060
12	Máy bơm chạy điện 1,5KW	ca	172.189
13	Máy bơm chạy điện 4,5KW	ca	192.185
14	Máy bơm chạy điện 22 KW	ca	318.031
15	Máy cắt cỏ công suất 3CV (0,8kw)	ca	196.765
16	Xe thang cao 12m	ca	1.761.752
17	Cửa máy cầm tay công suất 1,3 kw	ca	186.844
18	Xe thang cao 18m	ca	2.029.357
19	Xe ép rác 4Tấn	ca	1.421.116
20	Xe ép rác 7Tấn	ca	1.644.007
21	Xe ép rác 10Tấn	ca	1.953.361
22	Xe bồn hút bùn 3Tấn	ca	1.247.657
23	Xe ép rác kín (xe hooklip)	ca	2.102.506
24	Ô tô có cầu tự hành 2,5T (3,0T)	ca	1.180.758
25	Ô tô tải 2tấn	ca	583.747
26	Ô tô tự đổ 5 tấn	ca	1.106.107
27	Xe tải 7 tấn	ca	1.329.763
28	Xe tải 10 tấn	ca	1.625.079
29	Máy xúc lật - dung tích gầu 1,0 m3	ca	1.455.681
30	Máy xúc lật - dung tích gầu 1,65 m3	ca	2.489.920
31	Máy xúc lật - dung tích gầu 2,3 m3	ca	2.694.219

BẢNG GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ VÙNG CÓ PHỤ CẤP KHU VỰC 0,7

(Ban hành kèm theo Quyết định số 7/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh)

STT	Tên ca máy và thiết bị	ĐVT	Giá ca máy và thiết bị
1	Xe bồn 6m ³	ca	1.063.618
2	Xe bồn 7m ³	ca	1.165.584
3	Xe bồn 9m ³	ca	1.284.808
4	Xe bồn nước 16m ³	ca	1.590.098
5	Máy ủi 110CV	ca	1.798.387
6	Máy ủi 140CV	ca	2.452.985
7	Máy ủi 170CV (160cv)	ca	2.962.855
8	Ô tô quét (xe nhặt rác)	ca	1.619.928
9	Máy bơm chạy dầu diesel 5CV	ca	253.008
10	Máy bơm chạy xăng 3CV	ca	239.482
11	Máy bơm xăng 6CV	ca	274.060
12	Máy bơm chạy điện 1,5KW	ca	187.189
13	Máy bơm chạy điện 4,5KW	ca	207.185
14	Máy bơm chạy điện 22 KW	ca	333.031
15	Máy cắt cỏ công suất 3CV (0,8kw)	ca	211.765
16	Xe thang cao 12m	ca	1.791.752
17	Cửa máy cầm tay công suất 1,3 kw	ca	201.844
18	Xe thang cao 18m	ca	2.059.357
19	Xe ép rác 4Tấn	ca	1.436.116
20	Xe ép rác 7Tấn	ca	1.659.007
21	Xe ép rác 10Tấn	ca	1.968.361
22	Xe bồn hút bùn 3Tấn	ca	1.262.657
23	Xe ép rác kín (xe hooklip)	ca	2.117.506
24	Ô tô có cầu tự hành 2,5T (3.0T)	ca	1.210.758
25	Ô tô tải 2tấn	ca	598.747
26	Ô tô tự đổ 5 tấn	ca	1.121.107
27	Xe tải 7 tấn	ca	1.344.763
28	Xe tải 10 tấn	ca	1.640.079
29	Máy xúc lật - dung tích gầu 1,0 m ³	ca	1.470.681
30	Máy xúc lật - dung tích gầu 1,65 m ³	ca	2.519.920
31	Máy xúc lật - dung tích gầu 2,3 m ³	ca	2.724.219